**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TUẦN 7 – LỚP 5C ( Từ 21/10 đến 25/10/ 2024 )**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Tiết** | **Môn/GV** | **Tên bài** | **NDLG** |
| **Hai**  **21/10** | 1 | HĐTN1 | Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 |  |
| 2 | Toán | Làm tròn số thập phân (tiết 1) |  |
| 3 | Tiếng Việt 1 | **Bài đọc 1:** Sự tích dưa hấu |  |
| 4 | Tiếng Việt 2 | **Bài đọc 1:** Sự tích dưa hấu |  |
|  | 5 | Khoa học 1 | Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 1) |  |
|  | 6 | Thể dục | *Đ/c Hồng soạn và dạy* |  |
|  | 7 | TV tăng - LV | Luyện viết: Bài 7: Dòng sông tuổi thơ |  |
| **Ba**  **22/10** | 1 | Tiếng Việt 3 | **Bài viết 1:** Luyện tập tả người (Tả ngoại hình) |  |
| 2 | Tiếng Việt 4 | **Trao đổi:** Gian nan thử sức |  |
| 3 | Toán | Làm tròn số thập phân (tiết 2) |  |
| 4 | Toán tăng | Ôn tập làm tròn số thập phân |  |
| 5 | T.A - V | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
| 6 | T.A - V | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
| 7 | Lịch sử - Địa lí | Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc ( tiết 1) | GDBVMT |
| **Tư**  **23/10** | 1 | Tiếng Việt 5 | **Bài đọc 2:** "Vua tàu thủy" Bạch Thái Bưởi | QCN |
| 2 | Toán | Ôn tập về các đơn vị đo diện tích đã học |  |
| 3 | Khoa học | Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 2) |  |
| 4 | TV tăng | Luyện tập tả người ( Tả ngoại hình ) |  |
|  | 5 | Thể dục | *Đ/c Hồng soạn và dạy* |  |
|  | 6 | Âm nhạc | *Đ/c Hiền soạn và dạy* |  |
|  | 7 | HĐTN2 | Cảm xúc của em | QCN |
|  | 1 | Tiếng Việt 6 | **Luyện từ và câu:** Từ đa nghĩa |  |
| **Năm**  **24/10** | 2 | Toán | Héc-ta (tiết 1) |  |
| 3 | Toán tăng | Ôn tập làm tròn số thập phân |  |
| 4 | Đạo đức | Bài 3: Em nhận biết khó khăn (Tiết 1). |  |
| 5 | Tiếng Việt 7 | **Bài viết 2:** Luyện tập tả người (Tả hoạt động, tính cách) |  |
| 6 | Đọc sách thư viện | Những câu chuyện về lòng nhân ái, bao dung; tấm lòng nhân nghĩa cao cả của mẹ |  |
| 7 | Lịch sử - Địa lí | Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc ( tiết 2 ) | GDĐP |
|  | 1 | Toán | Héc-ta (tiết 2) |  |
| **Sáu**  **25/10** | 2 | TC – Toán | Ôn tập Héc – ta |  |
|  | 3 | HĐTN3 | Nhật ký kiểm soát cảm xúc của em |  |

***Tuần 7:***

Thứ hai ngày 21 tháng 10 năm 2024

Sáng:

Tiết 1: Hoạt động trải nghiệm 1

**CHÀO MỪNG NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM 20 – 10**

**Chủ điểm tháng 10****“*Chăm ngoan, học giỏi*” *(tiết 1)***

**I.** **Yêu cầu cần đat:**

- HS hiểu được ý nghĩa ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.

- HS được nghe giới thiệu sách chủ đề về Phụ nữ Việt Nam. HS ghi nhớ được tên cuốn sách. Nêu được một số tấm gương phụ nữ Việt Nam tiêu biểu.

- HS được mạnh dạn, tích cực biểu diễn các bài hát múa về chủ đề: “Phụ nữ Việt Nam”.

- Giáo dục HS có ý thức tốt, đoàn kết, ngoan ngoãn, học giỏi và biết giúp đỡ. Tích cực tham gia các hoạt động và phong trào của nhà trường, Đội.

**II. Đồ dùng dạy học:**

*1. Giáo viên:*

- Loa, míc, âm thanh.

- Nội dung.

*2. Học sinh:*

- Ghế ngồi, biển lớp.

- Đồng phục, khăn quàng (đội viên 4 - 5)

**III. Các hoạt động dạy học:**

**Phần 1: Nghi lễ (10 - 15 phút)**

*1. Lễ chào cờ theo nghi thức Đội.*

- Liên đội trưởng thực hiện.

*2. Tổng kết hoạt động của toàn trường trong tuần qua.*

- GV trực ban tuần 06 nhận xét ưu khuyết điểm toàn trường.

*3. Phát động, phổ biến kế hoạch hoạt động của toàn trường trong tuần mới.*

- Hiệu trưởng và TPT Đội triển khai.

**Phần 2: Sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề ( 20 - 25 phút): Chủ điểm tháng 10 “Chăm ngoan, học giỏi”**

**1. Hoạt động 1: Giáo dục HS tìm hiểu ý nghĩa ngày 20/10**

|  |  |
| --- | --- |
| *a. Mục tiêu:*  - HS hiểu được ý nghĩa ngày 20/10. Nắm được các kiến thức về ý nghĩa ngày 20/10 | |
| *b. Cách tiến hành:*  - TPT Đội triển khai nội dung đến HS.  - TPT Đội đưa ra một số câu hỏi giao lưu với HS tạo không khí vui tươi, ấn tượng.  - TPT Đội nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS hưởng ứng |

**2. Hoạt động 3: Biểu diễn văn nghệ về chủ đề: “Phụ nữ Việt Nam”**

|  |  |
| --- | --- |
| *a. Mục tiêu:*  - HS được tham gia biểu diễn các bài hát múa. Giúp HS mạnh dạn, tích cực trong các hoạt động phong trào. | |
| *b. Cách tiến hành:*  - TPT Đội giới thiệu các tiết mục và HS biểu diễn.  + Múa: *“Nhà là nơi”* – HS lớp 2B.  + Hát: *“Mẹ ơi! Con đã về”* – Cô giáo Thu Hiền.  + Đồng diễn liên khúc bài hát: *“Thiên thần ở khắp nơi, mẹ ơi – Mẹ hãy nắm chặt tay con đi”* – HS toàn trường.  - TPT Đội nhận xét và kết luận. | - HS chú ý  - HS thực hiện  - HS ghi nhớ |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2 : Toán

**LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi đông: (5 phút)** | |
| - GV cho HS lấy VD về số có 7 chữ số, yêu cầu HS làm tròn số đó đến hàng chục nghìn.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm hiểu câu hỏi: “Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị ta thu được số nào?”  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS lấy VD và thực hiện theo yêu cầu ra bảng con.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS hiểu được cách làm tròn số thập phân.  **b) Cách thực hiện:** | |
| \* Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 6,2; 6,5 và 6,7 khi làm tròn đến hàng đơn vị.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  \* Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 3,63; 3,65 và 3,68 khi làm tròn đến hàng phần mười.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  \* Làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 3,172; 3,175 và 3,176 khi làm tròn đến hàng phần trăm.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  - GV yêu cầu HS lấy VD số thập phân có 3 chữ số ở phần thập phân rồi làm tròn đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm. | - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 6,2 gần với số 6, nên khi làm tròn số 6,2 đến hàng đơn vị, ta được số 6.  Tương tự với các số 6,1; 6,3; 6,4 khi làm tròn đến hàng đơn vị ta được số 6.  + Trên tia số, số 6,7 gần với số 7, nên khi làm tròn số 6,7 đến hàng đơn vị, ta được số 7.  Tương tự với các số 6,6; 6,8; 6,9 khi làm tròn đến hàng đơn vị ta được số 7.  + Số 6,5 cách đều 2 số 6 và 7; nên theo quy tắc đã học thì 6,5 được làm tròn lên số 7  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 3,63 gần với số 3,6 nên khi làm tròn số 3,63 đến hàng phần mười, ta được số 3,6.  Tương tự với các số 3,61; 3,62; 3,64 khi làm tròn đến hàng phần mười, ta được số 3,6.  + Trên tia số, số 3,68 gần với số 3,7 nên khi làm tròn số 3,68 đến hàng phần mười, ta được số 3,7.  Tương tự với các số 3,66; 3,67; 3,69 khi làm tròn đến hàng phần mười, ta được số 3,7.  + Số 3,65 cách đều 2 số 3,6 và 3,7; nên theo quy tắc đã học thì 3,65 được làm tròn lên số 3,7.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 3,172 gần với số 3,17 nên khi làm tròn số 3,172 đến hàng phần trăm, ta được số 3,17.  Tương tự với các số 3,171; 3,173; 3,174 khi làm tròn đến hàng phần trăm, ta được số 3,17.  + Trên tia số, số 3,176 gần với số 3,18; nên khi làm tròn số 3,176 đến hàng phần trăm, ta được số 3,18.  Tương tự với các số 3,177; 3,178; 3,179 khi làm tròn đến hàng phần trăm, ta được số 3,18.  + Số 3,175 cách đều 2 số 3,17 và 3,18; nên theo quy tắc đã học thì 3,175 được làm tròn lên số 3,18.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS lấy VD rồi chia sẻ trước lớp. |
| **3. Hoạt động luyện tập (15 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **4. Hoạt động vận dụng** (3 phút)  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  8,3 làm tròn đến hàng đơn vị được 8  12,52 làm tròn đến hàng đơn vị được 13  36,738 làm tròn đến hàng đơn vị được 37  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  9,25 làm tròn đến hàng phần mười ta được 9,3  12,34 làm tròn đến hàng phần mười ta được 12,3  23,296 làm tròn đến hàng phần mười ta được 23,3  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3+ 4: Chia sẻ và đọc

**BÀI ĐỌC 1 : SỰ TÍCH DƯA HẤU**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

##### 1. Phát triển các năng lực đặc thù

##### 1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: *Thông qua sự tích dưa hấu, bài đọc đề cao tinh thần tự lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thành công.*

###### ***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; bày tỏ được sự yêu thích đối với những chi tiết, hình ảnh ấy.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

**2.1. Phát triển các năng lực chung**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Chủ động trao đổi, thảo luận với bạn để tìm hiểu nghĩa các từ khó, từ ít dùng; biết cùng các bạn thảo luận nhóm; trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong bài.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Chủ động tìm hiểu bài đọc để trả lời đúng các CH đọc hiểu

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Chủ động tìm hiểu bài đọc để nói đúng các phẩm chất của vợ chồng Mai An Tiêm, nêu đúng ý nghĩa bài đọc để con người học tập theo.

**2.1. Phát triển các phẩm chất**

- *Phẩm chất chăm chỉ:* Thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5* (tập một); vở ô li hoặc vở bài tập Tiếng Việt 5

**III.** **Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động:** | |
| **- GV đưa quả dưa hấu thật cho HS quan sát và hỏi: Đây là quả gì?**  **- GV giới thiệu bài:** *Hẳn là các em đã nhiều lần được ăn những miếng dưa hấu đỏ tươi, mát lành và ngọt lịm. Các em có biết ai là người tìm ra giống dưa quý đó không? Hôm nay, các em cùng đọc bài Sự tích dưa hấu để có câu trả lời. Ngoài việc giải thích về nguồn gốc của trái dưa hấu, câu chuyện còn cho chúng ta biết một tấm gương về ý chí và nghị lực vượt qua khó khăn. Các em hãy đọc bài để biết đó là ai nhé!* | - HS quan sát, trả lời: Quả dưa hấu  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài và xem tranh minh hoạ ở SGK/52, 53 |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu:**  - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài  - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc | |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **\*Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: nhún nhường, chịu thương chịu khó, hoang vu, trời luôn có mắt…    - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn theo nhóm.  Bài đọc gồm 4 đoạn: + Đoạn 1: từ đầu đến *... ra một đảo xa*. ; + Đoạn 2: từ *Hôm đặt chân lên bãi cát...* đến *... làm thức ăn*. ; + Đoạn 3: từ *Một hôm, có chiếc thuyền đánh cá*... đến ... *đầy đủ như xưa*. ; + Đoạn 4: Phần còn lại.  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm 4.  + GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy, giọng đọc phù hợp với nhân vật.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc: tin dùng, nhún nhường, đày, tiếng đồn, dò xét, …  - GV gọi 1 HS đọc toàn bài  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi    - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Phỏng vấn.  - GV cho HS thực hiện trò chơi *Phỏng vấn*  + Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.  + Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai.  *1. Vì sao Vua Hùng tin dùng và gả con gái nuôi cho Mai An Tiêm?*  *2. Vì sao gia đình Mai An Tiêm bị nhà vua đày ra đảo xa?*  *3. Theo em, phẩm chất nào đã giúp vợ chồng Mai An Tiêm vượt qua khó khăn?*  *4. Em thích câu nói nào của Mai An Tiêm? Vì sao?*  *5.* *Chi tiết nhà vua khen thầm và cho triệu gia đình Mai An Tiêm trở về nói lên điều gì?*    - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. GV chốt lại 5 câu hỏi trên.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua việc trả lời các câu hỏi trên, em hãy cho biết bài đọc muốn nói với các em điều gì?  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài đọc | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó:  + *Nhún nhường:* khiêm tốn trong quan hệ giao tiếp.  *+ Chịu thương chịu khó*: chăm chỉ, cố gắng lao động, không ngại khó khăn, vất vả.  *+ Hoang vu*: (vùng đất) bỏ không, cây cỏ mọc tự nhiên, chưa hề có tác động của con người.  *+ Trời luôn có mắt*: ý nói cuộc đời rất công bằng, người tốt nhất định không phải chịu thiệt thòi, kẻ xấu không thể mãi đắc ý.  - HS cùng GV chia đoạn.  - HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của GV. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc; Thực hành luyện đọc từ khó.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đọc thầm.  - HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  *1. Vì sao Vua Hùng tin dùng và gả con gái nuôi cho Mai An Tiêm?*  *2. Vì sao gia đình Mai An Tiêm bị nhà vua đày ra đảo xa?*  *3. Theo em, phẩm chất nào đã giúp vợ chồng Mai An Tiêm vượt qua khó khăn?*  *4. Em thích câu nói nào của Mai An Tiêm? Vì sao?*  *5.* *Chi tiết nhà vua khen thầm và cho triệu gia đình Mai An Tiêm trở về nói lên điều gì?*  - HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - HS thực hiện trò chơi *Phỏng vấn*  + Vì Mai An Tiêm rất tài giỏi.  + Vì Mai An Tiêm nói rằng những điều mình có được là nhờ chịu thương chịu khó; có kẻ ghen ghét, tâu với Vua Hùng, khiến Vua nghĩ rằng Mai An Tiêm vô ơn.  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Đó là phẩm chất chăm chỉ / quyết tâm / không chịu đầu hàng khó khăn / thông minh, sáng tạo /* ...  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD:  *Em thích câu nói “Tất cả cũng là nhờ chịu thương chịu khó thôi.”. Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất chăm chỉ / tự tin vào những nỗ lực của mình. / Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất khiêm tốn. / ...*  *Em thích hai câu “Trời luôn có mắt. Nàng đừng lo!”. Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tự tin / rất quyết tâm / rất dũng cảm / rất mạnh mẽ. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm là người rất bình tĩnh / không bao giờ lùi bước trước khó khăn. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tin vào lẽ công bằng. / …*  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Ý chí, nghị lực có thể giúp con người vượt qua mọi khó khăn. / Ý chí, nghị lực có thể giúp con người thành công. / Ý chí, nghị lực của một người có thể khiến người khác chuyển từ tức giận thành yêu thương. / ...*  - HS lắng nghe  - 2-3 HS trả lời: ***Thông qua sự tích dưa hấu, bài đọc đề cao tinh thần tự lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thành công.***  - HS nhắc lại |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **Mục tiêu:**  - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp. | |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm một phần của đoạn 3 với giọng đọc phù hợp với nhân vật; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.    - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm phần đoạn 3 đã luyện.  - GV nhận xét HS. | *-* 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  ***+*** *Hôm đặt chân lên bãi cát hoang vu, / vợ chàng lo lắng bảo: //*  *- Chúng ta* ***chết ở đây*** *mất thôi. //*  *- Trời* ***luôn có mắt****. // Nàng đừng lo! // – An Tiêm an ủi vợ.*  ***+*** *Ít lâu sau, / hạt nảy mầm, / mọc ra một loại cây bò lan, /* ***xanh um*** *cả bãi cát. // Rồi cây ra quả. // Hoá ra, / đó là một loại dưa ruột đỏ tươi, / hạt đen nhánh, / vị* ***ngọt và thanh mát****. // Từ hôm đó, / hai vợ chồng cố trồng thêm* ***thật nhiều*** *dưa làm thức ăn.*  - HS thi đọc  - HS nhận xét |
| **4. Hoạt động vận dụng** | |
| - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc Sự tích dưa hấu? Em học tập được điều gì ở những phẩm chất tốt đẹp của vợ chồng Mai An Tiêm?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò: GV dặn HS về nhà đọc truyện (hoặc thơ, bài văn, bài báo) theo yêu cầu trong SGK (*Tiếng Việt 5*, tập một, trang 54). HS có thể tìm truyện trong quyển *Truyện đọc lớp 5*. | - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, các HS được hỏi trả lời.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1: Khoa học

## **NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT ( tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức**:

Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:

- Một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.

- Một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.

- Biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt.

- Việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Tích cực tìm hiểu về năng lượng, năng lượng chất đốt và việc sử dụng chúng trong cuộc sống; chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất cách sử dụng nguồn năng lượng chất đốt mà không gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường.

***Năng lực khoa học tự nhiên:***

- Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.

- Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.

- Trình bày được biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt.

- Nêu và thực hiện được việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

**3. Phẩm chất**:

*- Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.

*- Trách nhiệm*: Có ý thức và thực hiện sử dụng năng lượng chất đốt an toàn, tiết kiệm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Đối với giáo viên:**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh, video liên quan đến bài học.

- Phiếu học tập.

**2. Đối với học sinh:**

- SHS.

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:** HS nêu được nguồn năng lượng chất đốt với hiểu biết ban đầu.  **b. Cách tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh:  Dụng cụ sưởi ấm trong giá rét: “Lạnh người” vì... sưởi ấm  - GV mời 1 HS trả lời câu hỏi: *Các bạn nhỏ trong hình đang làm gì? Nguồn năng lượng nào tạo hơi ấm cho các bạn?*  - GV dẫn dắt vào bài học mới: *Có những nguồn năng lượng chất đốt nào và chúng được sử dụng như thế nào trong cuộc sống? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở* ***Bài 5 – Năng lượng và năng lượng chất đốt.***  **2. Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu một số nguồn năng lượng phổ biến**  **a. Mục tiêu:** Nêu được một số nguồn năng lượng phổ biến và ứng dụng của chúng trong đời sống.  **b. Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS quan sát các hình sau.    - GV nêu câu hỏi: *Em hãy kể tên hoạt động của con người, máy móc, phương tiện trong mỗi hình trên.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng*.*  - GV yêu cầu HS từ những thông tin được cung cấp và kiến thức thực tế, cho biết: *Nêu nguồn cung cấp năng lượng cho mỗi hoạt động trong hình.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đưa ra kết luận: *Mặt Trời, điện, các chất đốt (như xăng, dầu,…), nước chảy, gió, thức ăn,… là những nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc,….*  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  **3. Hoạt động vận dụng**  - GV tổng kết lại nội dung kiến thức chủ yếu của bài học về năng lượng và năng lượng chất đốt.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia củaHS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát. | - HS quan sát hình ảnh.  - HS trả lời: *Các bạn trong hình đang sưởi ấm. Năng lượng từ lửa khi đốt củi đã tạo hơi ấm cho các bạn.*  - HS lắng nghe, ghi tên bài mới.    - HS quan sát hình.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời:  *+ Hình 1: Cả gia đình đang ăn cơm.*  *+ Hình 2: Bạn nam đang phơi quần áo.*  *+ Hình 3: Quạt đang quay.*  *+ Hình 4: Bánh xe nước.*  *+ Hình 5: Thuyền buồm đang đi ngoài biển.*  *+ Hình 6: Xe máy đang bơm xăng.*  - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi bài.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời: *Nguồn cung cấp năng lượng:*  *+ Hình 1: Thức ăn.*  *+ Hình 2: Mặt trời.*  *+ Hình 3: Điện.*  *+ Hình 4: Nước.*  *+ Hình 5: Gió.*  *+ Hình 6: Xăng.*  - HS lắng nghe, ghi bài.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Thể dục

*( Đ/c Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Tiếng Việt ( tăng )

**LUYỆN VIẾT BÀI 7 : DÒNG SÔNG TUỔI THƠ**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Giúp HS hiểu được nội dung bài : *Dòng sông tuổi thơ*

- Giúp HS viết đúng bài luyện viết.

- Rèn luyện cho HS kĩ năng viết đẹp, trình bày sạch sẽ bài luyện viết.

- Giáo dục HS biết giữ gìn sách vở sạch đẹp

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng phụ viết sẵn các mẫu chữ khi viết

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên  **1. Khởi động:**  **2. Hình thành kiến thức mới**  a. Giới thiệu bài  - GV giới thiệu trực tiếp  b. Hướng dẫn hs luyện viết  - yc hs đọc nội dung bài:  - Em hiểu bài này về nội dung gì?  - GV chốt:  - Bài được trình bày như thế nào?  - GV hướng dẫn viết một số chữ, từ khó viết: tràn trề, sinh lực, nhẫn nại, cư xá*.*  - Cho hs viết bài.  - GV đi lại giúp đỡ hs yếu.  - Gv thu bài chấm, nhận xét  **3. Hoạt động vận dụng**  - GV nhận xét  - Yc hs viết lại những chữ, từ viết chưa đẹp | Hoạt động của học sinh  - HS nghe  - 1 HS đọc  - HS nêu nội dung bài.  - HS : thể văn xuôi  - HS viết và vở  - HS ghi nhớ |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ ba ngày 22 tháng 10 năm 2024

Buổi sáng: Tiết 1:Viết

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả ngoại hình)***

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Biết viết đoạn văn tả ngoại hình của người.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả.

- Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả một cách sinh động, thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: HS tự giải quyết nhiệm vụ học tập: biết dựa vào dàn ý đã lập để viết đoạn văn tả ngoại hình của người

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS biết trao đổi trao đổi với GV và các bạn về đoạn văn tả ngoại hình của người.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có sáng tạo trong cách miêu tả ngoại hình của bạn bè.

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Yêu quý bạn bè; nhìn nhận những điểm tích cực ở bạn

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập hoặc vở ôli dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| **-** GV có thể cho HS chơi trò chơi “Phỏng vấn” các câu hỏi liên quan đến cấu tạo của bài văn tả người: *Nêu cấu tạo của bài văn tả người. ; Chúng ta đã học các phần nào của bài văn tả người? Phần thân bài sẽ tả những gì của người?...*  **- GV giới thiệu bài:** Các em đã tập viết đoạn mở bài và đoạn kết bài trong bài văn tả một người bạn. Hôm nay, các em sẽ dựa vào dàn ý đã lập để tập viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà mình quý mến qua bài: *Luyện tập tả người (tả ngoại hình)* | - HS chơi trò chơi Phỏng vấn: 1 HS nhận các câu hỏi phỏng vấn từ GV và đến hỏi các bạn dưới lớp.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu:**  - Biết nhận xét đoạn văn tả ngoại hình của người qua BT1.  - Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả.  - Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả một cách sinh động, thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả. | |
| **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả ngoại hình của người trong các đoạn văn (BT1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hỏi: Hai đoạn văn vừa đọc tả ngoại hình của ai?  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  + Đọc hai đoạn văn và các CH yêu cầu trong khung Gợi ý.  + Trả lời CH gợi ý hoặc thực hiện yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *+ Tác giả tả những đặc điểm nào về ngoại hình của nhân vật?*  *+ Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Những đặc điểm nào gợi cho em nghĩ đến tính cách của nhân vật?*  *+ Tìm những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế, chính xác của tác giả.*  - Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận  *-* GV nói thêm:  + Các đoạn văn trên đều miêu tả ngoại hình người theo trình tự từ khái quát đến cụ thể. Nhưng các em có thể sắp xếp các ý theo cách khác cho phù hợp với trình tự quan sát và ý muốn của mình.  + Khi viết, các em nên thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả một cách sinh động. | - HS đọc nối tiếp yêu cầu bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm  - HS trả lời: Đoạn văn a: Tả bạn Thắng  Đoạn văn b: Tả cô Chấm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1.  + a) Tác giả tả các đặc điểm về chiều cao, nước da, thân hình (cổ, vai, ngực, bụng, cánh tay, cặp đùi), cặp mắt, miệng, trán.  b) Tác giả tả các đặc điểm về thân hình (vóc dáng, hai cánh tay, hai vai, cổ), mái tóc, đôi lông mày, đôi mắt.  + a) Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.  b) Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.  + a) Thắng mạnh mẽ, thích vận động (nước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển; thân hình rắn chắc, nở nang).  Thắng hiền lành, dễ mến, dễ gần (cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười).  Thắng bướng bỉnh, gan dạ (cái trán hơi dô ra, trông có vẻ là một tay bướng bỉnh, gan dạ)  b) Cô Chấm giản dị (đôi lông mày loà xoà tự nhiên).  Cô Chấm là người thẳng thắn và mạnh mẽ (đã định nhìn ai thì dám nhìn thẳng, dù người ấy nhìn lại mình).  + a) Một số từ ngữ, chi tiết: nước da rám đỏ; thân hình rắn chắc, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi dế to, chắc nình nịch; cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười; cái trán hơi dô ra;...  b) Một số từ ngữ, chi tiết: thân hình nở nang, cân đối; hai cánh tay béo lẳn và chắc nịch, hai vai tròn và cái cổ cao; tóc đỏ quạch; đôi lông mày loà xoà tự nhiên làm cho đôi mắt sắc sảo dịu dàng đi;...  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành**  **Mục tiêu:**  HS viết được đoạn văn tả ngoại hình của người bạn mà mình quý mến. | |
| **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà em quý mến (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    + Khi tả ngoại hình của người, ta viết như thế nào?  - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 3, viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS, nếu HS thắc mắc; khuyến khích HS lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có) | - HS đọc yêu cầu BT 2  - HS trả lời:  + Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải phù hợp với trình tự quan sát và ý muốn của mình. Khi viết, nên thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về ngoại hình để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng** | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Trao đổi: *Gian nan thử sức*. | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Nói và nghe

**TRAO ĐỔI:GIAN NAN THỬ SỨC**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- HS kể được về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua, chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực.

- Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

- Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn để đặt CH hoặc phát biểu ý kiến.

**2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm và nêu một tình huống khó khăn để phục vụ cho việc trao đổi trong bài.

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: Biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe

- Phát triển NL giải quyết vấn đề: Đưa ra được cách để vượt qua khó khăn trong tình huống đó.

- Phát triển PC trách nhiệm, chăm chỉ: Có ý thức và hành động phù hợp để thực hiện các việc làm dù gặp khó khăn; Bồi dưỡng ý thức quyết tâm, tinh thần vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở viết.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| **-** GV cho HS xem một đoạn phim về 1 tình huống gặp khó khăn của 1 người và hỏi: *Đoạn phim nói về ai? Điều gì đã xảy ra với bạn nhỏ trong phim? Bạn đã làm gì để vượt qua khó khăn đó?*  (có thể lấy đoạn phim tình huống 3 của bài Đạo đức 4: Nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn ở web Hoc10 hoặc tham khảo đoạn phim trên Youtube: <https://www.youtube.com/watch?v=qWigKbSDjHU>  **- GV giới thiệu bài: Chắc hẳn trong chúng ta, ai ai cũng đã từng gặp khó khăn và chúng ta phải cố gắng để vượt qua các khó khăn đó. Vì vậy,** trong tiết *Nói và nghe* hôm nay, cô muốn các em sẽ kể về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua. Sau đó, các em sẽ chia sẻ suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực qua bài: *Trao đổi: Gian nan thử sức* | - HS xem đoạn phim và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu:**  HS kể được về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua. | |
| **Hoạt động 1: Kể một số tình huống khó khăn mà bản thân mình đã gặp (BT 1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV gọi 2 HS nối tiếp đọc 2 yêu cầu của bài tập 1, 2 và gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 1 và hỏi: Em hãy nêu một tình huống khó khăn mà em đã gặp (các tình huống khó khăn đó có thể xảy ra trong học tập hoặc trong cuộc sống thường ngày)      **- GV nhận xét về cách diễn đạt khi nói, tuyên dương hoặc sửa chữa (nếu có)**  **- GV nêu thêm một số tình huống khó khăn mà có thể HS đã từng gặp.** | - HS nối tiếp đọc yêu cầu bài tập 1, 2, gợi ý. Cả lớp đọc thầm  - HS phát biểu ý kiến: *Em gặp một bài toán khó nhưng chưa biết cách giải / lần đầu tiên phải phát biểu (hoặc hát / đọc thơ,…) trước nhiều người / lần đầu tiên phải đi chợ mua rau giúp mẹ / có lần phải ở nhà một mình vào buổi tối / …*  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **Mục tiêu:**  - HS chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực khi giải quyết các tình huống khó khăn đó.  - Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.  - Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn để đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến. | |
| **Hoạt động 2: Trao đổi về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua, chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2 và các gợi ý.  - GV hỏi theo các gợi ý với 1-2HS để làm mẫu  *-* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 theo các gợi ý của SGK, trao đổi với bạn về cách giải quyết vấn đề của mình và của bạn.  *a) Em đã gặp phải khó khăn gì?*  *b) Khi gặp khó khăn, em đã nghĩ gì và làm gì?*  *c) Việc làm đó của em dẫn đến kết quả như thế nào?*  *d) Nếu gặp lại tình huống tương tự, em sẽ giải quyết như thế nào? Vì sao?*  - GV tổ chức cho HS thảo luận trước lớp    - GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. | - HS đọc yêu cầu BT 2, gợi ý  - 1-2 HS thực hiện trao đổi với GV  - HS thảo luận và luân phiên trình bày trong nhóm.  ***VD:*** *Có lần, tớ gặp một bài toán khó, tìm mãi không ra đáp án. Tớ nản lắm, nhờ bố tớ giải giúp. Nhưng bố tớ chỉ giảng cho tớ chứ không giải bài tập hộ. Bố bảo nếu không tự làm bài thì mình sẽ ngày càng kém. Thế rồi, nhờ có bố hướng dẫn, tớ cũng tự làm được bài toán ấy. Bố tớ bảo ý chí và lòng quyết tâm có thể biến một việc khó thành một việc dễ. Sau này, nếu gặp bài toán khó, nhất định tớ sẽ không nhờ bố giải hộ nữa. Tớ nghĩ là mình có thể làm được các bài toán khác, nếu tớ kiên trì và được giúp đỡ đúng cách.*  - Một số HS trình bày ý kiến trước lớp; trả lời câu hỏi của các bạn hoặc đặt CH; mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn.  - Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về tình huống và chia sẻ của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.  - HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng** | |
| - GV dặn HS về nhà tìm thêm về tình huống khó khăn mà mình từng gặp; rồi mạnh dạn trao đổi với người thân, bạn bè, thầy cô về vai trò của ý chí, nghị lực để giúp mình vượt qua khó khăn đó.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Bài đọc: *“Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi* | - HS lắng nghe, thực hiện ở nhà  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Toán

**LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN (TIẾP)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại quy tắc.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập (20 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS thi đua điền số vào bảng và giải thích vì sao em điền được số đó.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho lấy thêm các VD khác, và làm tròn đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  2,673 làm tròn đến hàng phần trăm được 2,67  13,427 làm tròn đến hàng phần trăm được 13,43  265,865 làm tròn đến hàng phần trăm được 265,87  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS hào hứng tham gia thi đua điền số:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | | Đơn vị | Phần mười | Phần trăm | | 12,653 | 13 | 12,7 | 12,65 |   - HS chia sẻ cách điền số trước lớp.  - HS lấy VD, làm tròn theo yêu cầu.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp:  Mỗi tờ giấy nặng khoảng 4g.  Vậy 10 tờ giấy nặng khoảng: 4 x 10 = 40 (g)  Đáp số: 40g  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động vận dụng (10 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức cho HS sau bài học.  - HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế.  - Tạo không khí thoải mái sau giờ học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 6:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  Bạn Mai nặng khoảng 32kg, bạn Hùng nặng khoảng 33kg, bạn Dũng nặng khoảng 35kg.  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Toán tăng

**ÔN TẬP LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- HS nắm được cách làm tròn số thập phân.

- HS có khả năng vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản. Sử dụng các kiến thức đã học vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống. Tư duy lập luận lôgíc.

- HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập; yêu thích, say mê học Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm; lắng nghe, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm. Lấy ví dụ minh họa.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS chia sẻ: Muốn làm tròn một số thập phân đến một hàng nào đó (gọi là hàng làm tròn), ta thực hiện các bước sau  + Gạch dưới chữ số của hàng làm tròn.  + Nhìn sang chữ số ngay bên phải.  + Thực hiện làm tròn tiến hay làm tròn lùi (Nếu chữ số ngay bên phải là 0, 1, 2, 3, 4 thì giữ nguyên chữ số của hàng làm tròn. Nếu chữ số ngay bên phải là 5, 6, 7, 8, 9 thì cộng thêm 1vào chữ số của hàng làm tròn).  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** | |
| **Bài 1:** Làm tròn các số sau đến hàng đơn vị:  a) 7,52 b) 28,39 c) 39,628  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số.  **Bài 2:** Làm tròn các số sau đến hàng phần mười:  a) 32,52 b) 61,398 c) 27,964  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 3:** Làm tròn các số sau đến hàng phần trăm:  a) 48, 345 b) 125,623  c) 45,296  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4**: Con gà cân nặng khoảng 2,95kg. Theo em, 5 con gà như vậy cân nặng khoảng bao nhiêu ki-lô-gam? (làm tròn đến hàng đơn vị)  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  a) 7,52 làm tròn đến hàng đơn vị được 8  b) 28,39 làm tròn đến hàng đơn vị được 28  c) 39,628làm tròn đến hàng đơn vị được 40  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a) 32,52 làm tròn đến hàng phần mười ta được 32,5  b) 61,398 làm tròn đến hàng phần mười ta được 61,4  c) 27,964 làm tròn đến hàng phần mười ta được 28  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a) 48, 345 làm tròn đến hàng phần trăm ta được 48,35  b) 125,623làm tròn đến hàng phần trăm ta được 125,62  c) 45,296 làm tròn đến hàng phần trăm ta được 45,3  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp:  Bài giải  Con gà cân nặng khoảng 2,95kg làm tròn đến hàng đơn vị được khoảng 3kg  Vì mỗi con gà nặng khoảng 3kg nên 5 con gà như vậy cân nặng khoảng: 3 x 5 = 15 (kg)  Đáp số: 15kg  - HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Tổ chức cho HS thi đua điền số:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | | Đơn vị | Phần mười | Phần trăm | | 21,453 |  |  |  | | 34,736 |  |  |  | | 199,627 |  |  |  |   - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS hào hứng tham gia thi đua điền số, giải thích.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | | Đơn vị | Phần mười | Phần trăm | | 21,453 | 22 | 21,5 | 12,45 | | 34,736 | 35 | 34,7 | 34,74 | | 199,627 | 200 | 199,6 | 199,63 |   - HS nhắc lại quy tắc làm tròn.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1+ 2: Tiếng Anh

*( Đ/c Vân soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Lịch sử và Địa lí

## **BÀI 5: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC ( tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

-Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cô học.

-Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần…), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*-Giao tiếp và hợp tác:* Tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập; giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.

*- Tự chủ và tự học:* Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.

***Năng lực riêng:***

*- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:* Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.

*- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:* Tìm, tra cứu hoặc sưu tầm thông tin cơ bản về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

*- Vận dụng kiến thức, kĩ năng học:* Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

**3. Phẩm chất**

*- Yêu nước:* Tự hào và biết ơn tổ tiên đã áo công dựng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.

*- Trách nhiệm*: Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa, truyền thống của tổ tiên.

\* GDBVMT: Bảo vệ di tích lịch sử và các phong tục tốt đẹp của cha ông.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài trình chiếu powerpoint.

- Tranh ảnh nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

- SGK Lịch sử và Địa lí 5 – bộ sách Cánh diều.

- Bảng con, giấy A4, bút viết,...

**2. Đối với học sinh**

- SHS Lịch sử và Địa lí 5 bộ sách Cánh diều.

- Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Thông qua Hoạt động, HS:  - Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài.  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt câu hỏi: *Năm 1954, trong lần về thăm Đền Hùng, Bác Hồ đã căn dặn cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong:“Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.*  http://svhttdl.phutho.gov.vn/images/Tin%20tuc/2018/9/2018-9-17-1.jpg  *Bác Hồ nói chuyện với Đại đoàn Quân Tiên Phong*  *tại Phú Thọ*  *+ Câu nói trên của Bác Hồ có ý nghĩa như thế nào?*  *+ Hãy chia sẻ hiểu biết của em về Nhà nước này.*  - GV mời 1 – 2 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu cho HS:  *+* *Câu nói trên của Bác Hồ mang ý nghĩa: nhắc nhở đồng thời muốn thể hiện lòng biết ơn đối với các vua Hùng đã có công dựng nên Nhà nước Văn Lang.*  *+ Một số hiểu biết về Nhà nước Văn Lang:*   * *Là nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.* * *Cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Ba Vì (Hà Nội) đến Việt Trì (Phú Thọ).*   - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Từ xa xưa, các vua Hùng đã dựng nước mở ra một thời kì mới cho dân tộc. Một trong những nhà nước đầu tiên của dân tộc ta là nhà nước Văn Lang – Âu Lạc. Để tìm hiểu sâu hơn, chúng ta sẽ cùng nhau đến với bài:* ***Bài 5: Nước Văn Lang, Âu Lạc.***  **2. Hình thành kiến thức:**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS trình bày được sự ra đời của nước Văn lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bắng chứng khảo cổ học.  **b. Cách tiến hành**  - GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm làm chung một nhiệm vụ).  - GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:  ***+Nhóm 1 + 2:*** *Đọc thông tin về sự ra đời của nước Văn Lang trong SHS tr.25 và quan sát hình ảnh để tìm hiểu truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên và trình bày sự ra đời của nhà nước Văn Lang và hoàn thành Phiếu học tập 1.*    ***+ Nhóm 3 + 4:*** *Đọc thông tin về sự ra đời của nước Âu Lạc trong SHS tr.26 và quan sát hình ảnh để trình bày sự ra đời của nước Âu Lạc và hoàn thành Phiếu học tập số 1.*     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC**  *Nhóm:…*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Nhà nước**  **Văn Lang** | **Nhà nước Âu Lạc** | | Thời gian ra đời |  |  | | Người đứng đầu |  |  | | Địa bàn |  |  | | Kinh đô |  |  | | Căn cứ |  |  | |   - GV mở rộng kiến thức, khai thác kênh hình cho HS:  *+ Hình 1: Muôi bằng đồng thuộc Văn hóa Đông Sơn cách ngày nay 2000 – 2500 năm. Muôi bằng đồng, có kích thức dài 18,5 cm, có hai phần: phần múc và phần cán.*  *+ Hình 2: Rìu đồng là công cụ lao động, có hình lưỡi hài, gót vuông, trang trí hoa văn phong phú như: hình người, hình động vật.*  *+ Hình 3: Mộ thuyền Việt Khê được tìm thấy ở xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) bên trong chứa hơn 100 hiện vật gồm nhiều công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt, vũ khí chiến đấu… của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.*  *+ Hình 4: Lưỡi cày đồng Cổ Loa là một trong công cụ lao động của cư dân Văn Lang – Âu Lạc khá phát triển.*  - GV mời đại diện 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC**  *Nhóm:….*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Nhà nước**  **Văn Lang** | **Nhà nước Âu Lạc** | | Thời gian ra đời | Ra đời cách ngày nay khoảng 2700 năm | Khoảng năm 208 TCN | | Người đứng đầu | Vua Hùng | Thục Phán | | Địa bàn | Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả. |  | | Kinh đô | Phong Châu (Phú Thọ ngày nay) | Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay) | | Căn cứ | Truyền thuyết Con Rồng Cháu Tiên và các di vật khảo cô (công cụ lao động, vũ khí…). | Dấu tích tường thành và hiện vật khảo cổ (lưỡi cày đồng, rìu đồng, lấy nỏ, mũi tên đồng…) | |   - GV trình chiếu cho HS nhiều hình ảnh liên quan đến sự ra đời nước Văn Lang, Âu Lạc:   |  |  | | --- | --- | | file:///C:/Users/Admin/AppData/Local/ZaloPC/2201337528880305081/ZaloDownloads/picture/6065059927711546910/z5100707394313_289afc685f8ca072bfc6f39ac2d4913d.jpg  *Trống đồng Đông Sơn* | *Thạp đồng Đào Thịnh* | | Đền An Dương Vương – Ngôi đền thiêng giữa thành Cổ Loa  *Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa* | |   - GV cho HS xem video:  + Tổ chức nhà nước Văn Lang:  <https://www.youtube.com/watch?v=RwegzXi6_7Q>  + An Dương Vương lập nước Âu Lạc  <https://www.youtube.com/watch?v=_YxCQtcSbLY&t=4s>  - GV cung cấp thêm tư liệu cho HS về quá trình hình thành nhà nước Văn Lang – Âu Lạc: *Vua Hùng đến nhiều vùng dọc sông Thao, sông Đà chọn đất đóng đô cho nước Văn Lang nhưng chưa tìm được nơi phù hợp. Một hôm. Vua tới một vùng đất trước mặt có ba con sống tụ hội, hai bên là núi Tản Viên – Tam Đảo chầu về, đồi núi gần xa. Giữa những quả đồi xanh tốt ấy có ngọn núi lớn hình voi mẹ nằm giữa đàn con. Phóng tầm mắt nhìn ra bốn phía thấy ba bề bãi rộng bồi đắp phù sa, bốn mặt cây xanh, hoa tươi cỏ ngọt, vua mừng rỡ, khen thế đất vững bền, thực là đất họp muôn dân. Vua quyết định đặt đô ở đó, gọi tên là thành Phòng Châu.*  *(Theo Nguyễn Khắc Xương, Truyền thuyết Hùng Vương, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2012)*  ***\*GDBVMT: Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ di tích lịch sử và các phong tục tốt đẹp của cha ông?***  **3. Hoạt động vận dụng:**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của hoạt động 1.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS: | - HS lắng nghe dẫn dắt và quan sát hình ảnh.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.  - HS chia thành các nhóm và lắng nghe nhiệm vụ.  - HS quan sát *Phiếu học tập số 1.*  - HS quan sát hình ảnh và lắng nghe, tiếp thu.  - HS trình bày *Phiếu học tập số 1.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS quan sát hình ảnh.  - HS quan sát video  - HS lắng nghe, tiếp thu.  -HS trả lời theo ý hiểu của mình. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có )**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ tư ngày 23 tháng 10 năm 2024

Buổi sáng: Tiết 1: Đọc

## **“VUA TÀU THỦY” BẠCH THÁI BƯỞI**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ trong bài có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai; ngắt nghỉ hơi đúng; thể hiện lời nói và cảm xúc của nhân vật bằng giọng đọc phù hợp. Tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Biết tra sổ tay từ ngữ (từ điển) để hiểu nghĩa của các từ khó. Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài đọc: *Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.*

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

- Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; biết bày tỏ được sự yêu thích đối với những từ ngữ, chi tiết đó.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ: thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**\* QCN**: Quyền được học tập và giáo dục. Bổn phận xây dựng và phát huy tinh thần dân tộc.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**a. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.

- Tranh minh họa bài đọc*.*

- Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.

**III. Các hoạt dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động:**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV giao nhiệm vụ cho HS: *Các em thấy những gì trong tranh?*    **-** GV mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét và gợi ý: *Tranh vẽ một chiếc tàu thuỷ và ông Bạch Thái Bưởi.*  - GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới: *Bạch Thái Bưởi là ai? Ông có liên quan gì đến chiếc tàu thuỷ trong bài? Để trả lời được câu hỏi đó, chúng ta cùng đọc và tìm hiểu Bài đọc 2: “Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi” nhé!.*  **2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ khó, luyện cách ngắt nghỉ và đọc câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện,...*  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ, luyện đọc một số câu dài:  *+ Luyện đọc một số từ khó: quẩy, hãng buôn, xưởng sửa chữa tàu, diễn thuyết, …*  *+ Luyện đọc câu dài: Trên mỗi chiếc tàu,/ ông dán dòng chữ/ "Người ta thì đi tàu ta"/ và treo một cái ống/ để khách nào đồng tình với ông/ thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu.// Lúc thịnh vượng nhất,/ công ti của Bạch Thái Bưởi/ có tới ba mươi chiếc tàu lớn nhỏ/ mang những cái tên lịch sử:/ Hồng Bàng,/ Lạc Long,/ Trung Trắc,/ Trưng Nhị,//…*  - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:  *+ Đoạn 1: Từ đầu đến “không nản chí”.*  *+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “Trưng Nhị …”.*  *+ Đoạn 3: Còn lại.*  *\* Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để tuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  *+ Hiệu cầm đồ: cửa hàng nhận đồ của người đang cần tiền đem gửi để vay tiền.*  *+ Trắng tay: mất sạch tiền của.*  *+ Độc chiếm: chiếm giữ một mình, không chia sẻ cho ai.*  *+ Diễn thuyết: nói trước công chúng, nhằm tuyên truyền, thuyết phục.*  *+ Đồng, hào, xu: ba đơn vị tiền tệ thời trước.*  *+ Thịnh vượng: đang phát triển mạnh, giàu có lên.*  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi dưới đây:  *+ Câu 1. Những chi tiết về tuổi thơ và tuổi trẻ của Bạch Thái Bưởi cho thấy ông là người như thế nào?*  *+ Câu 2. Lúc mới thành lập, công ti vận tải đường biển của Bạch Thái Bưởi gặp khó khăn gì? Ông đã làm cách nào để vượt qua khó khăn đó?*  *+ Câu 3. Lời kêu gọi “Người ta thì đi tàu ta.” và tên các con tàu của Bạch Thái Bưởi nói lên điều gì về ông?*  *+ Câu 4. Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công và trở thành “một bậc anh hùng kinh tế”?*  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *+ Câu 1: Bạch Thái Bưởi rất thông minh, chịu khó (theo mẹ đi gánh hàng rong, làm đủ nghề), có ý chí, nghị lực (có lúc trắng tay, ông vẫn không nản chí).*  *+ Câu 2:*  *Công ti vận tải đường thuỷ của Bạch Thái Bưởi được thành lập vào lúc những con tàu của người Hoa, người Pháp đã độc chiếm các đường sông miền Bắc (việc tìm khách hàng của công ti hết sức khó khăn vì khách hàng đã quen dùng tàu của người Hoa, người Pháp).*  *Để vượt qua khó khăn đó, Bạch Thái Bưởi cho người đến các bến tàu diễn thuyết; trên mỗi chiếc tàu, ông dán dòng chữ “Người ta thì đi tàu ta” và treo một cái ống để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ ống tiếp sức cho chủ tàu. Sau này, ông mua lại tàu của chủ tàu người Hoa, người Pháp, thuê kĩ sư giỏi trông nom.*  *+ Câu 3: HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Bạch Thái Bưởi rất hiểu tâm lí yêu nước của người Việt Nam. / Bạch Thái Bưởi rất yêu nước. / Bạch Thái Bưởi rất thông minh, có cách phát triển kinh tế đúng đắn. / ...*  *+ Câu 4: HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Nhờ ý chí, nghị lực và lòng quyết tâm. / Nhờ sự thông minh, dũng cảm. / Nhờ định hướng đúng đắn. / Nhờ sự ủng hộ của những người yêu nước muốn phát triển kinh tế của Việt Nam. / ...*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại được nội dung, ý nghĩa bài đọc; xác định được giọng đọc của nhân vật.  - Luyện đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc *“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi.*  - GV tổ chức cho HS đọc đoạn 2 và 3 và xác định giọng đọc đoạn này:  *Bạch Thái Bưởi mở công ti vận tải đường thuỷ / vào lúc những con tàu của người Hoa, / người Pháp / đã độc chiếm các đường sông miền Bắc. // Ông cho người đến các bến tàu diễn thuyết. // Trên mỗi chiếc tàu, / ông dán dòng chữ “****Người ta thì đi tàu ta****” / và treo một cái ống / để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu. // Khi bổ ống, / tiền đồng* ***rất nhiều****, / tiền hào, / tiền xu thì vô kể. // Khách đi tàu của ông* ***ngày một đông****. // Nhiều* ***chủ tàu người Hoa****,* ***/ người Pháp*** *phải bán lại tàu cho ông.*  *Chỉ trong mười năm, / Bạch Thái Bưởi đã trở thành* ***“một bậc anh hùng kinh tế****” / như đánh giá của người cùng thời*  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài, các HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Củng cố kiến thức bài đọc *“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi*.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức trò chơi *Ai thông minh hơn học sinh lớp 5* để HS củng cố bài.  - GV phổ biến trò chơi như sau: *GV sẽ chiếu từng câu hỏi trắc nghiệm lên màn hình, HS giơ tay phát biểu sau hiệu lệnh của GV. HS nào trả lời được nhiều câu đúng sẽ được phần thưởng từ GV.*  - GV chiếu từng câu hỏi lên màn hình:  ***+ Câu 1: Nhân vật chính trong văn bản "Vua tàu thủy Bạch Thái Bưởi" là ai?***  *A. Bạch Thái Bưởi*  *B. Bạch Thanh Bưởi*  *C. Bạch Thành Công*  *D. Bách Thái Bưởi*  ***+ Câu 2: Vì sao nhà họ Bạch lại nhận Bạch Thái Bưởi làm con nuôi và cho ăn học?***  *A. Vì thấy ông dũng cảm*  *B. Vì thấy ông khôi ngô*  *C. Vì thấy ông nhanh nhẹn*  *D. Vì thấy ông thông minh*  ***+ Câu 3: Những cái tên mà Bạch Thái Bưởi chọn để đặt cho các con tàu của mình có gì đặc biệt?***  *A. Những cái tên đó đều là tên của danh nhân được nhiều người biết đến*  *B. Những cái tên đó đều chỉ có hai tiếng*  *C. Những cái tên đó là tên của các vị anh hùng dân tộc Việt Nam*  *D. Những cái tên đó đều là tên người*  ***+ Câu 4: Vì sao Bạch Thái Bưởi lại chọn tên các anh hùng dân tộc để đặt cho các chiếc tàu của mình?***  *A. Vì ông muốn thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc của mình*  *B. Vì ông muốn dựa vào đó để thu hút người dân đi tàu của mình*  *C. Vì ông muốn giới thiệu đến các nước bạn những vị anh hùng dân tộc của nước ta*  *D. Vì ông muốn phân biệt tàu của mình với tàu của người Hoa, người Pháp*  ***+ Câu 5: Em có suy nghĩ như thế nào về đoạn văn sau:***  *Trên mỗi chiếc tàu, ông dán dòng chữ "Người ta thì đi tàu ta" và treo một cái ống để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu. Khi bổ ống, tiền đồng rất nhiều, tiền hào, tiền xu thì vô kể.*  *A. Ông Bạch Thái Bưởi rất thông minh, biết cách kiếm tiền*  *B. Đồng bào ta rất giàu có và hào phóng*  *C. Đồng bào ta rất yêu quý ông Bạch Thái Bưởi*  *D. Đồng bào ta rất yêu nước và có tinh thần dân tộc*  - GV mời đại diện lần lượt HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. A | 2. B | 3. C | 4. A | 5. D |   **4. Hoạt động vận dụng:**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương những HS học tốt.  **\* QCN**: *Theo các bạn chúng ta có quyền được học tập và giáo dục không?*  *- Bổn phận của mỗi người học sinh là gì? xây dựng và phát huy tinh thần dân tộc.*  - Khuyến khích HS tìm đọc những bài viết về chủ điểm. | - HS lắng nghe, chuẩn bị.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.  - HS đọc thầm, HS làm việc nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nhắc lại nội dung bài.  - HS luyện đọc theo nhóm  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn trò chơi.  - HS theo dõi từng câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có)  - HS quan sát, tiếp thu  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - Xây dựng và phát huy tinh thần dân tộc. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Toán

**ÔN TẬP VỀ CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH ĐÃ HỌC**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo diện tích (*mm2, cm2, dm2, m2*) trong một số trường hợp đơn giản; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo diện tích trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. GV:** - TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:** - Bút dạ, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - GV cho HS chơi trò chơi “Gió thổi”: Khi quản trò hô “Gió thổi, gió thổi”, thổi đến đơn vị đo DT nào thì HS nêu đặc điểm của đơn vị đo DT đó.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS hào hứng tham gia trò chơi, nêu đặc điểm của một số đơn vị đo DT: mm2, cm2, dm2, m2.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**  **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS quan sát các hình ảnh rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo DT liền kề.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ, thi đua trả lời.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  a, Chiếc bảng có cạnh 1m nên DT chiếc bảng là 1m2. Tờ giấy có cạnh 1dm nên DT của tờ giấy là 1dm2. …  b,   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | m2 | dm2 | cm2 | mm2 | | 1m2 = 100dm2 | 1dm2  = 100cm2  = m2 | 1cm2  = 100mm2  = dm2 | 1mm2  = cm2 |   - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  8m2 15dm2 = 815dm2 35cm2 12mm2 = 3512mm2  10m2 7dm2 = 1007dm2 8cm2 6mm2 = 806mm2  5dm2 23cm2 = 523cm2 56cm2 33mm2 = 5633mm2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ, thi đua trả lời:  DT tờ tiền VN khoảng 100cm2 ; DT mặt bàn khoảng 40dm2 ; DT bể bơi khoảng 40m2 ; DT bề mặt một nút ấn trên điều khiển tivi khoảng 32mm2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, Tổng DT tầng 2 của nhà bạn Duy là:  6 x 8 = 48 (m2)  b, Diện tích phòng ngủ 2 là: 3 x 3 = 9 (m2)  b, Diện tích phòng ngủ 3 là:  6 x 4 - 2 x 3 = 18 (m2)  Đáp số: a, 48m2  b, 9m2 c, 18m2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:**  **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học và mối quan hệ giữa các đơn vị đo DT.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, Bức tranh gồm số mảnh gốm là:  100 x 50 = 5000 (mảnh gốm)  b, DT của bức tranh là: 2 x 2 x 5000 = 20 000 (cm2)  Đổi: 20 000cm2 = 20m2  - HS chia sẻ kết quả, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Khoa học

**Bài 5: NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT ( Tiết 2 )**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời

sống và sản xuất.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự học: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin qua sách báo, internet.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS trao đổi, trình bày ý kiến về vai trò của chất đốt.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: HS có ý thức bảo vệ môi trường .

- Phẩm chất chăm chỉ: HS ham tìm hiểu, học hỏi.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. Chuẩn bị đồ dùng:**

**1. GV:**

- Tranh ảnh, clip sưu tầm thêm về các nguồn năng lượng, về sử dụng năng lượng chất đốt.

**2. HS:**

- Bút dạ, bút màu, giấy A3.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **1.Khởi động:**  **+ Kể tên các** nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, ....  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | + HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá**  *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu HS quan sát các hình 7 – 10, trang 25 SGK, thảo luận :  + Kể tên chất đốt được sử dụng trong hình.  + Nêu vai trò của chúng  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  – GV yêu cầu một số đại diện nhóm HS trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ; (nếu có).   * GV nhận xét, bổ sung , kết luận về một số chất đốt.   – Tiếp theo, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Em có biết, trang 25 SGK, có thể giới thiệu thêm hình ảnh, clip về khai thác, sản xuất chất đốt.  *Bước 3. Làm việc nhóm*  − GV cho HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi trong mục Thảo luận và Luyện tập, Vận dụng, trang 26 SGK:  1. Than đá được sử dụng vào những việc gì? Ngoài than đá, kể tên một số loại than khác mà em biết.  2. Xăng, dầu được sử dụng vào việc gì?  3. Nêu ích lợi của việc sử dụng khí sinh học.  4. Gia đình và địa phương em thường sử dụng chất đốt vào những việc gì?  *Bước 4. Làm việc cả lớp*  GV yêu cầu một số nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  + Hình 1: Chất đốt là than. Than cháy sinh ra năng lượng làm quay tua bin chạy máy phát điện và sinh ra điện.  + Hình 2: Chất đốt là ga. Ga cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 3: Chất đốt là củi. Củi cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 4: Chất đốt là xăng dầu. Xăng dầu bị đốt cháy sinh ra năng lượng làm xe di chuyển được.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS thảo luận theo nhóm   * Than được sử dụng làm chất đốt trong gia đình, ở lò hơi của nhà máy nhiệt điệt, luyện kim, .... * Các loại than khác: than bùn, than củi, than họa tính, than chì, than cốc, than mỏ * Xăng dầu dùng làm chất đốt để chạy máy móc * Khí sinh học là nguôn chất đốt được sử dụng trong đun nấu, tạo ra điện để thắp sáng, ....Sử dụng khí sinh học thay thế các chất đốt truyền thống giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm lượng chất thải, giảm hiệu ứng nhà kính gây biến đổi khí hậu… * HS trả lời * HS chia sẻ trước lớp |
| **3. Luyện tập**  *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu nhóm trưởng cùng các bạn trong nhóm:  – Lựa chọn một trong các chủ đề về vai trò của chất đốt.  – Phân công trong nhóm, tiến hành thu thập thông tin, hình ảnh theo chủ đề đã chọn. – Tổng hợp và trình bày kết quả của nhóm.  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  − GV cho một số nhóm báo cáo và thảo luận chung cả lớp.  - GV nhận xét, khen ngợi  - Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 26 SGK. | - HS thảo luận theo nhóm và viết kết quả thảo luận ra giấy A3   * Đại diện nhóm trình bày * HS đọc   - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |
| **4. Vận dụng:**  - Về nhà hãy chia sẻ với người thân về ích lợi của việc sử dụng chất đốt trong đời sống.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Tiếng Việt( tăng )

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả ngoại hình)***

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Viết được đoạn văn tả ngoại hình, thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Viết được đoạn văn mạch lạc sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạt nội dung giàu hình ảnh,cảm xúc.

- Có ý thức lựa chọn từ, câu khi diễn đạt, thêm yêu quý bạn.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | | |
| **-** Tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép” với các nội dung dưới đây:  + MG1: - Đoạn văn tả ngoại hình của người nằm ở phần nào của bài văn tả người?  + MG2: - Hát một bài hát về bạn bè mà bạn biết.  + MG3: - Phần thân bài của bài văn tả người sẽ tả những gì của người?  + MG4: - Nêu cấu tạo của bài văn tả người.  - GV nhận xét, giới thiệu vào bài. | - Học sinh chơi trò chơi khởi động “Lật mảnh  ghép”.  - Phần thân bài.  - HS hát theo yêu cầu.  - Tả ngoại hình.  Mở bài: Giới thiệu người được tả.  Thân bài: + Tả ngoại hình.  Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được  tả.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** | | |
| **Đề bài:** Em hãy viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà em quý mến.  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  + Khi tả ngoại hình, của người, ta viết như thế nào?  - GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu HS thắc mắc); khuyến khích HS lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HSđọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có). | - HS đọc, xác định yêu cầu.  - 1 HS đọc, lớp đọc thầm.  - HS trả lời:  + Viết đoạn văn tả ngoại hình của một người  bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải phải phù hợp với  trình tự quan sát nên chọn những đặc điểm nổi  bật về ngoại hình để tả bạn; theo trật tự trước –  sau của các hoạt động nhưng cũng có thể sắp  xếp theo ý của mình. Khi viết, cần thể hiện cảm  xúc của mình đối với người được tả; nên chọn  những đặc điểm nổi bật để tả bạn và nhớ dùng từ  ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh để miêu tả  một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn tả ngoại hình của một người  bạn mà em quý mến vào vở ô li.  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. | |
| Vân vốn là người bạn thân nhất của em. Năm nay Vân vừa tròn mười tuổi, dáng  người nhỏ nhắn, khuôn mặt dễ thương, lúc nào cũng cười. Nước da của Vân trắng trẻo,  mịn màng. Cặp mắt hai mí tròn xoe lúc nào cũng sáng long lanh. Các bạn trong lớp  thường gọi Vân bằng cái tên nghe thật ngộ nghĩnh: “Cặp mắt biết cười” Không chỉ có  thành tích học tốt, Vân còn là một cô bé có chất giọng cao vút như một cô sơn ca nhỏ.  Mỗi lần đến dịp lễ hội, lớp chúng em lại được nghe Vân cất lên giọng ca thánh thót của  mình, vô cùng say mê. | | |
| **3. Hoạt động vận dụng** | | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn và viết lại đoạn văn theo yêu cầu.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt. | | - HS lắng nghe |

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1: Thể dục

*( Đ/c Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Âm nhạc

*( Đ/c Hiền soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Hoạt động trải nghiệm 2

**CẢM XÚC CỦA EM**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Chia sẻ được những trải nghiệm cảm xúc của bản thân.

- Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

Lồng ghép : QCN Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức hoạt động.

**3. Phẩm chất**

- Thể hiện được tình cảm, cảm xúc của bản thân với mọi người cho phù hợp.

- Nhân ái, yêu thương mọi người xung quanh.

**II. Đồ dùng dạy học**

**1. Giáo viên:** Chương trình, các bài hát, các tấm thẻ ghi các trạng thái cảm xúc; Bảng phụ có ghi sẵn các mức độ kiểm soát cảm xúc.

|  |  |
| --- | --- |
| Kiểm soát cảm xúc tốt | Luôn giữ được bình tĩnh và không có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra. |
| Kiểm soát cảm xúc trung bình | Trong một số trường hợp giữ được bình tĩnh và không có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra. |
| Kiểm soát cảm xúc chưa tốt | Không giữ được bình tĩnh và thường có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra. |

**2. Học sinh: Giấy, bút, bút màu.**

**III. Các hoạt động dạy –học chủ yếu**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | | | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | |
| **1. Khởi động**  **a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới. | | | | | | |
| **b) Cách tiến hành**  - GV cho HS xem video về cảm xúc.  <https://youtu.be/FzJ_U3RTutc>  - GV tổ chức cho HS các nhóm chia sẻ cảm xúc và tình huống thể hiện cảm xúc các em đã gặp.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  - GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài học: *Cảm xúc luôn tồn tại trong mỗi chúng ta và việc kiểm soát chúng là một nhiệm vụ quan trọng, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* ***Tuần 7 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Cảm xúc của em.*** | | | | | - HS xem video.  - HS làm việc nhóm.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu. | |
| **2. Khám phá**  **\* Hoạt động 1:** Chia sẻ trải nghiệm cảm xúc của em  **a) Mục tiêu:**  HS nhận ra được những cảm xúc mà mình có thể kiểm soát hoặc chưa thể kiểm soát. | | | | | | |
| **b) Cách tiến hành**  (1) Làm việc nhóm:  - GV chia lớp thành các nhóm. GV nêu nhiệm vụ của hoạt động:  + Các nhóm quan sát vòng tròn các cảm xúc trong SGK trang 21. GV cũng có thể chuẩn bị các tấm thẻ có ghi các trạng thái cảm xúc: vui vẻ, lo lắng, hào hứng, tức giận, sợ hãi, buồn bã,...    - Yêu cầu các em lựa chọn các cảm xúc em có trong những ngày gần đây, Kể lại các tình huống tương ứng với các trạng thái cảm xúc mình gặp phải,  - Nêu những cảm xúc mà em có thể kiểm soát hoặc chưa thể kiểm soát được,  (2) Làm việc cả lớp:  - GV mời đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp.  - GV đưa ra các gợi ý cụ thể cho HS chia sẻ như sau:  + Em đã trải qua những cảm xúc gì trong những ngày gần đây? Trong tình huống cụ thể nào?  + Em có thể hay chưa thể kiểm soát cảm xúc đó? Vì sao?  - GV Kết luận: *Trong cuộc sống hằng ngày, các em sẽ gặp rất nhiều tình huống khác nhau và trải qua nhiều trạng thái cảm xúc. Trong số đó, sẽ có những cảm xúc các em kiểm soát tốt và có những cảm xúc các em chưa thể kiểm soát được. Việc kiểm soát được cảm xúc sẽ giúp các em giữ được tinh thần luôn vui vẻ, an yên.* | | | | | - HS ngồi vào nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  - Quan sát SGK trang 21 và liên hệ.  - Lựa chọn cảm xúc của bản thân trong những ngày gần đây và chia sẻ trong nhóm.  - HS tham gia chia sẻ trước lớp  - Lắng nghe, rút kết kinh nghiệm cho bản thân. | |
| **3. Hoạt động thực hành - luyện tập**  **\* Hoạt động 2:** Nhận diện khả năng kiểm soát cảm xúc  **a) Mục tiêu:**  - HS chia sẻ được những tình huống mà mình đã kiểm soát được cảm xúc.  - HS tự đánh giá được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân. | | | | | | |
| **b) Cách tiến hành**  - GV nêu nhiệm vụ làm việc cá nhân: HS suy nghĩ và ghi ra giấy các tình huống cần kiểm soát cảm xúc trong cuộc sống hằng ngày.  + Sau khi viết xong, HS trao đổi giấy với bạn ngồi cạnh.  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp về các tình huống cần kiểm soát cảm xúc theo ý kiến của bạn mình.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm về những tình huống mà bản thân đã kiểm soát được cảm xúc. Gợi ý:  + Nguyên nhân, bối cảnh diễn ra tình huống;  + Những lời nói, việc làm, thái độ của em trong tình huống;  + Kết quả khi em kiểm soát được cảm xúc.  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp về những tình huống mà bản thân đã kiểm soát được cảm xúc,  - GV cho HS quan sát bảng phụ có ghi 3 mức độ kiểm soát cảm xúc. GV giới thiệu và hướng dẫn HS cách đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân (theo 3 mức độ; tốt — trung bình – chưa tốt).  - HS tiến hành tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân và chia sẻ kết quả tự đánh giá của mình.  - GV Kết luận: *Có rất nhiều tình huống này sinh trong cuộc sống hằng ngày ở nhà, ở trường và ở cộng đồng. Các em cần đánh giá được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân để có biện pháp thay đổi, điều chỉnh cảm xúc cho phù hợp giúp các em luôn giữ được bình tĩnh và không có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra.*  *Lồng ghép : Mọi người có được xâm phạm đời sống riêng tư, bí mất của em không ? Được xâm phạm bí mật gia đình em không ?* | | | | | - Thực hiện theo yêu cầu: Viết ra giấy các tình huống cần kiểm soát cảm xúc và trao đổi với bạn ngồi cạnh.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS chia sẻ trong nhóm những tình huống bản thân kiểm soát tốt cảm xúc.  - Chia sẻ trước lớp.  - Quan sát.  - Tự đánh giá.  - Lắng nghe, học tập. | |
| **4. Vận dụng**  **a) Mục tiêu:**  **- HS biết vận dụng để** kiểm soát cảm xúc của bản thân trong cuộc sống hằng ngày. | | | | | | |
| **b) Cách tiến hành** GV hướng dẫn HS:  Thực hiện kiểm soát cảm xúc của bản thân trong cuộc sống hằng ngày.  Ghi lại nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân theo gợi ý: | | | | | - HS vận dụng thực hiện. | |
| **STT** | **Tình huống** | **Cách ứng xử** | **Tự đánh giá** | | | |
| **Kiểm soát cảm xúc tốt** | **Kiểm soát cảm xúc trung bình** | | **Kiểm soát cảm xúc chưa tốt** |
|  |  |  |  |  | |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ năm ngày 24 tháng 10 năm 2024

Buổi sáng

Tiết 1: Luyện từ và câu

**TỪ ĐA NGHĨA**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

Hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: chủ động thảo luận với bạn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL tự chủ và tự học: chủ động tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL sáng tạo: biết vận dụng những điều đã học để xác định từ đa nghĩa, xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

- Phát triển phẩm chất Chăm chỉ: Bồi dưỡng ý thức học tập chăm chỉ, cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV có thể cho HS chơi Trò chơi Tiếp sức: *chọn cặp từ đồng nghĩa* ở phần khởi động.  \*Cách chơi: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 4 em, xếp thành một hàng dọc cách bảng 3m. Giáo viên chia đôi bảng, mỗi bên bảng viết hoặc dán “Từ đồng nghĩa”. Chuẩn bị cho mỗi đội 8 thẻ từ, mỗi thẻ có sẵn một trong các từ: *ba, lá cây, cha, nhỏ nhắn, lá cờ, mẹ, nhỏ xíu, má*  để ngửa trên bàn.  Lần lượt từng thành viên mỗi đội lên chọn 1 cặp từ đồng nghĩa thì lên bảng dán ở phần bảng đội của mình. Nếu từ đó không phải là cặp từ đồng nghĩa thì để qua 1 bên và về cuối hàng. Bạn tiếp theo sẽ thực hiện giống bạn trước đó. Nhóm nào hoàn thành hết thẻ từ trước, đúng nhiều hơn thì là đội thắng cuộc. GV lưu ý: trong các thẻ từ của mỗi đội sẽ có 1 cặp từ không phải là từ đồng nghĩa.  **- GV giới thiệu bài:** Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã tìm được 3 cặp từ đồng nghĩa: *ba – cha, nhỏ nhắn - nhỏ xíu, mẹ - má*. Và có một cặp từ, cả 2 đội đều không chọn để dán lên bảng, đó là cặp từ *lá cây - lá cờ*. À, cặp từ *lá cây, lá cờ* là từ đa nghĩa. Trong các ngôn ngữ nói chung, trong tiếng Việt nói riêng có rất nhiều từ đa nghĩa. Vậy, từ đa nghĩa là gì? Từ đa nghĩa có đặc điểm gì? Bài học hôm nay sẽ cho các em câu trả lời. | - Học sinh chơi trò chơi *Tiếp sức* theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **2. Khám phá kiến thức mới**  **Mục tiêu:**  Giúp HS hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa. | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa (BT 1 – Phần Nhận xét)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 1: Tìm nghĩa phù hợp với từ in đậm trong mỗi đoạn thơ, đoạn văn  **- GV hỏi: Từ in đậm là từ nào?**  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 làm vào VBT theo yêu cầu bài 1.**  **-** GV chiếu đề BT 1, mời các nhóm HS báo cáo kết quả (có thể tổ chức báo cáo theo hình thức thi hỏi – đáp giữa các nhóm hoặc thi ghép thẻ / nối đoạn thơ, đoạn văn với nghĩa tương ứng của từ ***chân***).  - GV: Từ *“****chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn trên là từ đa nghĩa.  **Hoạt động 2: Nhận biết được từ đa nghĩa; Tìm hiểu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. (BT 2 – Phần Nhận xét và Phần Bài học)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 2. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 2: Nêu điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” trong BT 1.  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 làm vào VBT theo yêu cầu bài 2.**  **-** GV chiếu đề BT 2, mời đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả.  - GV chiếu, chốt đáp án đúng:  **\* Điểm giống nhau:** “Chân” chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật  **\* Điểm khác nhau:**  a) **Chân** com-pa, **chân** kiềng, **chân** bàn: chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ cho bộ phận khác.  b) **Chân** của người: chỉ bộ phận của cơ thể người hoặc động vật; dùng để đi, đứng.  c) **Chân** núi: chỉ bộ phận của vật, có vị trí tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.  - GV giới thiệu: Từ “***chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn ở BT 1 là từ đa nghĩa. Trong từ *“chân”* này có nghĩa gốc (được dùng ở đoạn thơ b) và nghĩa chuyển (được dùng ở đoạn thơ a, đoạn văn c). Các nghĩa trong từ đa nghĩa “***chân”***có mối liên hệ với nhau: đều chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật.  - GV đặt câu hỏi giúp HS rút ra bài học: *Qua hai bài tập vừa rồi, các em hiểu: từ đa nghĩa là gì?*  - GV nói thêm: Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó chỉ có một nghĩa gốc và một (hay một số) nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ đa nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.  Nghĩa gốc là nghĩa đầu tiên hoặc nghĩa có trước của từ ấy. Nghĩa chuyển là nghĩa biến đổi của từ ấy trên cơ sở nghĩa gốc.  - GV chiếu nội dung Bài học. Cho vài HS nhắc lại.  - GV chiếu lại Bảng điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” rồi yêu cầu HS phân tích để hiểu kĩ hơn về nghĩa gốc, nghĩa chuyển, để thấy mối liên hệ giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển | - HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - HS trả lời: từ “**chân**”  - HS thảo luận nhóm 4, làm VBT  - Các nhóm trình bày câu trả lời trước lớp.  a) **Chân** com-pa (***chân*** *đứng*, ***chân***  *quay*), **chân** kiềng, **chân** bàn - (3) Bộ phận dưới cùng của một số đồ dùng, có tác dụng đỡ cho các bộ  phận khác.  b) **Chân** của người (bàn **chân** của bé, **chân** đi khắp nhà). - (1) Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hoặc động vật, dùng để đi, đứng.  c) **Chân** núi - (2) Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.  - HS nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 2, làm VBT  - Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.  - Nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS trả lời: *Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển có mối liên hệ với nhau*.  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - Vài HS nhắc lại phần Bài học  - HS phân tích lại nghĩa gốc, nghĩa chuyển của 3 từ “chân” ở bảng. |
| **3. Hoạt động luyện tập:**  **Hoạt động 3: Nhận biết được nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa; tìm được nghĩa chuyển của các từ đa nghĩa từ nghĩa gốc của nó. (BT 1, BT 2 – Phần Luyện tập)**  **\*Cách tiến hành:**  ***\*Bài tập 1:***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 1.  - GV nhắc lại yêu cầu BT 1: *Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển các từ* ***“mặt”, “xanh”, “chạy”*** *trong các câu dưới đây.*  - GV hướng dẫn HS làm mẫu với từ ***“mặt”*** của câu **1a** để HS hiểu thế nào là nghĩa gốc (nghĩa ban đầu, từ đó sinh ra các nghĩa khác), thế nào là nghĩa chuyển (nghĩa sinh ra từ nghĩa gốc).    *-* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT câu **1b, 1c.**  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, chốt:  **b)** + Hoa càng đỏ, lá càng **xanh**. : nghĩa gốc (“xanh” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  + … mái tóc cho thật dài, thật **xanh**. : nghĩa chuyển (“xanh” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - màu xanh)  **c)** + … mấy chiếc thuyền đang **chạy** ra khơi,… : nghĩa chuyển (“chạy” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - hoạt động chạy của người)  + … em **chạy** vội ra phía bờ sông. : nghĩa gốc (“chạy” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  - GV hỏi: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy*” trong các câu trên là từ gì?  ***\*Bài tập 2:***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.    - GV hỏi: Theo yêu cầu BT 2, các từ chỉ bộ phận cơ thể người và động vật thường là loại từ gì?  - GV hướng dẫn HS làm mẫu: tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của từ ***“răng”*** – GV có thể chiếu 1 số hình ảnh *răng cào, răng bừa, bánh răng, …* cho HS xem  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT (theo kĩ thuật khăn trải bàn) tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của các từ: *cổ, miệng, tay, mắt*  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp theo trò chơi *Xì điện.* Trong lúc chơi,GV có thể vừa nhận xét, vừa hỏi: *Từ đa nghĩa mà em vừa nêu được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.  + ***Cổ*:** cổ chai, cổ hũ, cổ lọ, cổ bình, cổ tay, cổ chân, cổ áo,…  + ***Miệng*:** miệng chai, miệng bát, miệng chén, miệng giếng, miệng nồi, miệng núi lửa, miệng ăn (chỉ người ăn trong gia đình),…  + ***Tay*:** tay áo, tay lái (bộ phận của cái xe), tay lái (chỉ người lái xe), tay vợt (chỉ người chơi bộ môn thể thao dùng vợt, VD: tay vợt ten nít), tay tre (cành của cây tre), tay mướp / su su / bí (tua bám của cây mướp / su su / bí),…  + ***Mắt*:** mắt kính, mắt của quả na, mắt cây (cục u nổi trên thân cây), mắt bão, mắt thần (của thiết bị điện tử),…  - GV nhận xét, hướng dẫn HS tìm hiểu mối liên hệ giữa các nghĩa trong mỗi từ.  VD: *cổ chai*: một vị trí trên cái chai, có hình dáng giống với cổ của người; *cổ áo*: bộ phận của cái áo, khi mặc sẽ ôm lấy phần cổ của người mặc. | - HS đọc yêu cầu BT 1. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - 1 HS trả lời theo yêu cầu của GV câu **1a**:  + Bác đội mũ, khăn trùm gần kín **mặt**,… : nghĩa gốc (“mặt” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  + … những miếng vá trên **mặt** đường. : nghĩa chuyển (“mặt” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - mặt người)  - HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT.  - Đại diện HS các nhóm trình bày ý kiến trước lớp  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy”* là từ đa nghĩa.  - HS đọc yêu cầu BT 2. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Từ đa nghĩa  - HS trả lời: *răng cào, răng bừa, răng lược, răng cưa, bánh răng (của máy móc),…* - HS quan sát  - HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT  - Các nhóm trả lời theo hình thức trò chơi Xì điện  - HS lắng nghe  - HS trả lời theo yêu cầu của GV. |
| **4. Hoạt động vận dụng:** | |
| - GV hỏi: + Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?    + Điều đó giúp em việc gì?    - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS làm bài tốt.  - Dặn dò: Dặn HS về nhà tìm thêm những từ đa nghĩa để chia sẻ trước lớp vào tiết sau. | - HS trả lời: + Nhận biết các từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.  + Hiểu biết đó giúp em hiểu rõ hơn về nội dung của câu văn, bài văn; giúp em lựa chọn từ đúng trong nói và viết. Khi gặp một từ có nhiều nghĩa, em có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định ý nghĩa chính xác của từ trong trường hợp cụ thể.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Toán

**HÉC - TA**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành cho HS biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc-ta (tên gọi, kí hiệu).

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. GV:** - TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:** - Bút dạ, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HD CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - GV cho HS quan sát bức tranh cánh đồng dạng hình vuông có cạnh khoảng 100m.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS quan sát và đưa ra dự đoán: Để đo DT của những khu vực có DT rộng lớn, người ta cần có đơn vị đo DT lớn hơn để biểu thị.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá:**  \* Giới thiệu đơn vị đo DT héc-ta (ha)  - GV giới thiệu để HS lắng nghe: Để đo các khu vực có DT lớn (khu công nghiệp, cánh đồng, …) người ta thường dùng đơn vị đo DT là héc-ta. Kí hiệu: ha. Héc-ta là DT của hình vuông có cạnh 100m.  + Vậy 1ha bằng bao nhiêu m2?  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  - GV yêu cầu HS lấy VD về số đo DT có đơn vị héc-ta rồi đổi ra m2. | - HS lắng nghe và nêu:  + 1ha = 10 000 m2. 10 000 m2 = 1ha.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS lấy VD rồi chia sẻ trước lớp. |
| **3. Luyện tập:**  **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS đọc các số đo, viết các số đo ra bảng con.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **4. Hoạt động vận dụng:**  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS đọc, viết các số đo:  a, 135ha: một trăm ba mươi lăm héc-ta  ha: một phần tư héc-ta  3,2ha: ba phẩy hai héc-ta  15,28ha: mười lăm phẩy hai mươi tám héc-ta  b, Sáu nghìn bốn trăm ba mươi héc-ta: 6430ha  Mười hai phẩy năm héc-ta: 12,5ha  Một trăm ba mươi lăm phẩy sáu mươi hai héc-ta: 135,62ha  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  4ha = 40 000 m2. 80 000 m2 = 8ha.  10ha = 100 000 m2. 600 000 m2 = 60ha.  275ha = 2 750 000 m2. ha = 7 500 m2 .  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có** ...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Toán tăng

**ÔN TẬP LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- HS nắm được cách làm tròn số thập phân.

- HS có khả năng vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản. Sử dụng các kiến thức đã học vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống. Tư duy lập luận lôgíc.

- HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập; yêu thích, say mê học Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm; lắng nghe, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm. Lấy ví dụ minh họa.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS chia sẻ: Muốn làm tròn một số thập phân đến một hàng nào đó (gọi là hàng làm tròn), ta thực hiện các bước sau  + Gạch dưới chữ số của hàng làm tròn.  + Nhìn sang chữ số ngay bên phải.  + Thực hiện làm tròn tiến hay làm tròn lùi (Nếu chữ số ngay bên phải là 0, 1, 2, 3, 4 thì giữ nguyên chữ số của hàng làm tròn. Nếu chữ số ngay bên phải là 5, 6, 7, 8, 9 thì cộng thêm 1vào chữ số của hàng làm tròn).  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** | |
| **Bài 1:** Làm tròn các số sau đến hàng đơn vị:  a) 7,52 b) 28,39 c) 39,628  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số.  **Bài 2:** Làm tròn các số sau đến hàng phần mười:  a) 32,52 b) 61,398 c) 27,964  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 3:** Làm tròn các số sau đến hàng phần trăm:  a) 48, 345 b) 125,623  c) 45,296  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4**: Con gà cân nặng khoảng 2,95kg. Theo em, 5 con gà như vậy cân nặng khoảng bao nhiêu ki-lô-gam? (làm tròn đến hàng đơn vị)  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  a) 7,52 làm tròn đến hàng đơn vị được 8  b) 28,39 làm tròn đến hàng đơn vị được 28  c) 39,628làm tròn đến hàng đơn vị được 40  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a) 32,52 làm tròn đến hàng phần mười ta được 32,5  b) 61,398 làm tròn đến hàng phần mười ta được 61,4  c) 27,964 làm tròn đến hàng phần mười ta được 28  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a) 48, 345 làm tròn đến hàng phần trăm ta được 48,35  b) 125,623làm tròn đến hàng phần trăm ta được 125,62  c) 45,296 làm tròn đến hàng phần trăm ta được 45,3  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp:  Bài giải  Con gà cân nặng khoảng 2,95kg làm tròn đến hàng đơn vị được khoảng 3kg  Vì mỗi con gà nặng khoảng 3kg nên 5 con gà như vậy cân nặng khoảng: 3 x 5 = 15 (kg)  Đáp số: 15kg  - HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Tổ chức cho HS thi đua điền số:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | | Đơn vị | Phần mười | Phần trăm | | 21,453 |  |  |  | | 34,736 |  |  |  | | 199,627 |  |  |  |   - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS hào hứng tham gia thi đua điền số, giải thích.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | | Đơn vị | Phần mười | Phần trăm | | 21,453 | 22 | 21,5 | 12,45 | | 34,736 | 35 | 34,7 | 34,74 | | 199,627 | 200 | 199,6 | 199,63 |   - HS nhắc lại quy tắc làm tròn.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Đạo đức

**EM NHẬN BIẾT KHÓ KHĂN ( Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.

- Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn.

- Biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

**2. Năng lực chung.**

- Góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất.**

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**Đối với GV:**

* Tranh, hình ảnh về biểu hiện của vượt qua khó khăn.
* Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **1.Hoạt động khởi động:**  *– GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?*tìmcác câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, vượt khó trong học tập và cuộc sống.  – GV phổ biến luật chơi: Mỗi đội lần lượt tìm và nêu ra các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, vượt khó trong học tập và cuộc sống. Đội nào tìm được nhiều câu đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.  – GV cho HS chơi thử.  – GV tổ chức cho HS chơi chính thức.  - Các nhóm lần lượt đưa ra đáp án của mình.  – GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động của các đội và dẫn nhập vào bài học. | - HS lắng nghe.  - HS chơi.  + Có chí thì nên;  + Kiến tha lâu cũng đầy tổ;  + Nước chảy đá mòn;  + Năng nhặt chặt bị;  + Có công mài sắt, có ngày nên kim;  + Cần cù bù thông minh;  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá:**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu:  *a. Em hãy nêu những khó khăn của các bạn trong những bức tranh.*  *b. Hãy kể thêm những khó khăn trong học tập và cuộc sống mà em biết.*  - GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp. | * HS trình bày   Tranh 1: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải phụ giúp bố mẹ việc nhà, tăng  gia sản xuất.  Tranh 2: Quên kiến thức của các môn học.  Tranh 3: Bị tai nạn phải nằm viện, đợt kiểm tra cuối học kì sắp đến.  Tranh 4: Nhà cửa bị hoả hoạn.  + HS kể thêm được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống:  + Bị bạn bè hiểu lầm, xa lánh, bị bắt nạt;  + E ngại trong giao tiếp với thầy cô, người lạ;  + Gặp khó khăn trong việc hiểu bài mới, dễ bị sao nhãng, trì hoãn công việc; + Hay phạm lỗi bất cẩn;  +  ...   * HS lắng nghe |
| **Hoạt động 2**  – GV yêu cầu HS đọc câu chuyện Một học sinh nghèo vượt khó trong SGK trang 18, 19 và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi.   1. *Bạn Thảo đã vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống như thế nào?*   *b. Sự vượt khó đó đã mang lại điều gì cho Thảo?*  *c. Vì sao chúng ta phải biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống?*  *- GV mời đại diện nhóm phát biểu câu trả lời.*  - GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp. | * HS đọc và thảo luận nhóm   + HS nhận biết được những khó khăn trong học tập và cuộc sống mà bạn Thảo đã vượt qua: hoàn cảnh gia đình khó khăn; bố mẹ ốm yếu; nhà cách xa trường, di chuyển khó khăn, nhất là những hôm mưa rét, đường trơn. Bạn Thảo đã vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống bằng cách làm nhiều việc nhà phụ giúp mẹ; luôn cố gắng, tập trung, chăm chỉ học tập; chỗ nào chưa hiểu thì hỏi ngay hoặc nhờ thầy, cô giáo và các bạn giải đáp.  + HS trả lời được sự vượt khó đó đã mang lại cho Thảo: thành tích học tập tốt; được bạn bè ngưỡng mộ, bố mẹ, thầy cô yêu quý.  + HS giải thích được ý nghĩa của của việc vượt qua khó khăn: Khó khăn luôn xuất hiện trong học tập và cuộc sống của mỗi người. Vì thế, việc vượt qua khó khăn giúp con người rèn luyện được những phẩm chất và kĩ năng quý báu như siêng năng, kiên trì, giao tiếp, hợp tác, kiên định mục tiêu,... Từ đó gặt hái được thành công trong cuộc sống và học tập.   * HS nêu * HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng:**  - GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh yêu cầu HS viết một khó khăn của bản thân vào phần nhuỵ của bông hoa và các biện pháp vượt qua khó khăn vào cánh hoa.  - GV mời 3 – 5 HS chia sẻ.  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS thực hiện nhiệm vụ.   * HS chia sẻ   - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1: Viết

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả hoạt động, tính cách)***

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Viết được đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Viết được đoạn văn mạch lạc có một số từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS biết giới thiệu bài viết, thể hiện rõ ràng suy nghĩ, tình cảm của bản thân

- Phát triển NL tự chủ và tự học: HS tự giải quyết nhiệm vụ học tập, viết được đoạn văn; sửa lỗi và hoàn thiện đoạn văn.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS bước đầu biết sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạt nội dung.

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ, trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập; PC nhân ái: nhìn nhận những điểm tích cực ở bạn, yêu quý bạn.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập hoặc vở ôli dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HD CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **1. Hoạt động khởi động:** | |
| **-** GV có thể kiểm tra bài cũ bằng trò chơi “Lật mảnh ghép” với các nội dung dưới đây:  +MG1: *- Đoạn văn tả ngoại hình của người nằm ở phần nào của bài văn tả người?*  +MG2: *- Hát một bài hát về bạn bè mà bạn biết.*  +MG3: - *Phần thân bài của bài văn tả người sẽ tả những gì của người?*  **- GV giới thiệu bài:** Ở Bài viết 1, các em đã tập viết đoạn văn tả ngoại hình của người. Hôm nay, các em sẽ tập viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người qua bài: *Luyện tập tả người (tả hoạt động, tính cách)* | - Học sinh chơi trò chơi khởi động “Lật mảnh ghép”.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **2. Hình thành khám phá kiến thức mới:**  **Mục tiêu:**  - Biết nhận xét đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người qua BT1.  - Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả hoạt động, tính cách.  - Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả một cách sinh động, thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả. | |
| **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả hoạt động, tính cách của người trong các đoạn văn (BT1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hỏi: Hai đoạn văn vừa đọc tả hoạt động và tính cách của ai?  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  + Đọc 2 đoạn văn và các CH yêu cầu trong khung Gợi ý.  + Trả lời yêu cầu: nhận xét về cách tả hoạt động, tính cách của bạn Thắng và cô Chấm  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *+ Cách tả hoạt động, tính cách của nhân vật.*  *+ Tác giả tả những hoạt động nào của nhân vật?*  *+ Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Hoạt động của người được tả thể hiện điều gì về tính cách của nhân vật?*  *+ Tìm những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế và chính xác của tác giả.*  *+ Tác giả thể hiện tình cảm đối với nhân vật qua những từ ngữ, chi tiết nào?*      - Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận  *-* GV nói thêm:  + Nên chọn miêu tả những chi tiết tiêu biểu về hoạt động, tính cách của người được tả.  + Cách sắp xếp các chi tiết thường thấy là theo trật tự trước – sau của các hoạt động (theo thời gian), nhưng người viết có thể sắp xếp theo ý của mình.  + Cần thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả; nên sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh,... để miêu tả một cách sinh động. | - HS đọc nối tiếp yêu cầu bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Đoạn văn a: Tả bạn Thắng  Đoạn văn b: Tả cô Chấm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1.  + a) Tả hoạt động, qua đó nói lên tính cách của nhân vật.  b) Nêu nhận xét về tính cách của nhân vật và minh hoạ cho mỗi nhận xét bằng một hoặc một vài hoạt động.  + a) Tác giả tả các hoạt động: vá lưới, ngóng chờ bạn, ra hiệu với bạn, đu mình xuống nước, lặn biến đi.  b) Tác giả tả các hoạt động: ra đồng, ăn mặc, đi xem phim, khóc.  + a) Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự thời gian  b) Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự từ hoạt động lao động đến cách ăn mặc (chọn trang phục), cách bộc lộ cảm xúc.  + a) Thắng là cậu bé chăm chỉ, nhanh nhẹn, khéo léo (chăm vá lưới, vá rất khéo); bơi lặn giỏi (đu mình xuống nước êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá).  b) Cô Chấm là người chăm chỉ (không làm thì chân tay cứ bứt rứt; ra đồng từ sớm mồng Hai Tết, dẫu có bắt ở nhà cũng không được).  Cô Chấm là người giản dị (không đua đòi may mặc; mộc mạc như hòn đất).  Cô Chấm rất rắn rỏi nhưng hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương (khóc khi xem những cảnh ngộ trong phim; khóc cả trong giấc mơ)  + a) Một số từ ngữ, chi tiết: Tay cậu bé cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt; nó rón rén, bám tay vào cọc chèo, đu mình xuống nước êm không một tiếng động; nó ngụp một cái, lặn biến đi như một con cá;...  b) Một số từ ngữ, chi tiết: Mùa hè, Chấm mặc một áo cánh nâu; mùa đông hai áo cánh nâu; Chấm mộc mạc như hòn đất; Chấm hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương: những cảnh ngộ trong phim làm Chấm khóc gần suốt buổi; trong giấc mơ, Chấm lại khóc.  + a) Tác giả chọn một số chi tiết tiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm đối với người được tả (thoăn thoắt, thành thạo, êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá, bọn trẻ vừa ghen vừa phục).  b) Tác giả chọn một số chi tiết tiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm đối với người được tả (hay làm thực sự, không đua đòi; mộc mạc như hòn đất, rắn rỏi, hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương).  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập:**  **Mục tiêu:**  - HS viết được đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.  - HS viết được đoạn văn mạch lạc có một số từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc. | |
| **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến. (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    + Khi tả hoạt động, tính cách của người, ta viết như thế nào?    - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu HS thắc mắc); khuyến khích HS khá, giỏi lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có) | - HS đọc yêu cầu BT 2  - HS trả lời:  + Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải theo trật tự trước – sau của các hoạt động nhưng cũng có thể sắp xếp theo ý của mình. Khi viết, cần thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về hoạt động, tính cách để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng:** | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn và viết lại đoạn văn theo yêu cầu.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Bài đọc 3: *Tục ngữ về ý chí, nghị lực.* | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Đọc sách thư viện

**NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG NHÂN ÁI, BAO DUNG; TẤM LÒNG NHÂN NGHĨA CAO CẢ CỦA MẸ**

**I. Yêu cầu cần đạt :**

1. Kiến thức: Chọn được quyển truyện theo chủ đề về lòng nhân ái, bao dung; tấm lòng nhân nghĩa cao cả của mẹ.

2. Kĩ năng: Đọc tốt câu chuyện qua nhiều thể loại khác nhau . Nhận biết được và nói lên được những chi tiết trong truyện.

3. Thái độ: \* Giáo dục các em có tâm lòng nhân ái, bao dung và hiếu thảo với cha mẹ.

\* Có thói quen và thích đọc sách .

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên & cán bộ thư viện chuẩn bị:

\* Xếp bàn theo nhóm học sinh.

\* Danh mục sách theo chủ đề: Gia đình.

- Học sinh : \* Sổ tay đọc sách.

\* Bài thơ, bài hát thuộc chủ đề nếu có.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN |
| **1.Trước khi đọc**  1.Khởi động: Hát bài “ Tía má em hoặc nhưng bài hát có nội dung về mẹ…”  - Qua bài hát tía, má làm gì ?  - Tía má vất vả để làm gí ?  2. Giới thiệu bài: Đọc sách tự do chuyện xưa và nay lòng mẹ, tình cha.  - Giới thiệu danh mục sách : Chủ đề gia đình, chủ đề lòng nhân ái.  **3. Trong khi đọc**  Hoạt động 1: Chọn sách theo chủ đề lòng nhân ái, bao dung; tấm lòng nhân nghĩa cao cả của người mẹ  *Mục tiêu: Biết chọn đúng sách & giới thiệu sách .*  - Nêu yêu cầu giúp các em chọn sách: Tìm những truyện em thích về chủ đề trên ( mỗi bạn 1 quyển ) giới thiệu cho bạn biết về:  - Hướng dẫn các em giới thiệu sách.  Giới thiệu trong nhóm trước lớp.  Hoạt động 2: Thực hành đọc truyện  *Mục tiêu:Đọc hết một câu chuyện ngắn thực hiện tốt các yêu cầu phiếu học tập .*  - Nêu yêu cầu đọc truyện cùng hoàn thành ở phiếu đọc truyện sau:  + Tên sách ? tác giả là ai?  + Nói về ai ? Chi tiết nào về nhân vật khiến em thích, cảm động, quan tâm nhất, vì sao?  +Tục ngữ Việt Nam có câu:’ Công cha như núi thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” Em hãy tìm ví dụ thực tế minh họa cho câu tục ngữ trên.  **4. Sau khi đọc**  Hoạt động 1: Báo cáo kết quả  *Mục tiêu: Báo cáo kết quả trước lớp lưu lóat , logic.( có thể bài hát, bài thơ)*  - Hướng dẫn các em giới thiệu những thông tin mình tìm được.  - Hướng dẫn nhận xét  - Nhận xét chung  2. Tổng kết  - Hãy nêu những việc em cần làm để tỏ lòng biết ơn cha mẹ  - Giáo dục các em trong cuộc sống phải có lòng nhân ái, bao dung và biết hiếu thảo với cha mẹ.  - Về tìm đọc những sách được bạn giới thiệu. | \* Cả lớp hát vỗ tay.  - ( 2- 3 em trả lời ) Nêu lại qua nội dung bài hát  - Tiến hành đến giá chọn sách (mỗi em 1quyển), hoặc tư liệu chuẩn bị.  - Giới thiệu trong nhóm  + Tên sách truyện – Thuộc chủ đề nào  + Tên tác giả – nhà xuất bản  - Vài nhóm nêu nội dung phiếu học tập  - Đọc hoàn thành một truyện ngắn.  - Ghi nhũng cảm nhận vào sổ tay.  - Giới thiệu những thông tin mình tìm được trong nhóm. Chọn bạn có bài hay  - Trình bày trước lớp  \* Đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét nội dung giới thiệu của bạn  - Các em nêu ( Biết vâng lời, chăm học, yêu thương anh em, giúp cha mẹ những việc mà mình làm được…) |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Lịch sử và địa lí

**Bài 5: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC (tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

**- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**2. Năng lực chung**

**- Tự chủ và tự học: sưu tầm tư liệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.**

**3. Phẩm chất**

**- Yêu nước: Tự hào và biết ơn tổ tiên đã có công dụng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Trách nhiệm trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hoá, truyền thống của tổ tiên.**

**\* Lồng ghép** LSDP: **Hoạt động 3:** Tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của người Hải Dương

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT,

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  **a) Mục tiêu**  **- Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài**  **- Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.**  **b) Cách thực hiện** | |
| **- Trò chơi: Giúp người qua đường**    **- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.** | **- HS lắng nghe GV giới thiệu luật chơi, ghi nhanh đáp án vào bảng con.**  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá kiến thức mới:**  **\* Đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc**  **a) Mục tiêu:**  **- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **b) Cách thực hiện:** | |
| **1. Đời sống kinh tế**  **- GV hướng dẫn HS đọc mục 2 trong SGK trang 27 và làm việc theo nhóm 4, thực hiện các nhiệm vụ học tập:**  **+ Mô tả đời sống kinh tế của nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **+ Câu chuyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh phản ánh điều gì?**  **- Khuyến khích HS sáng tạo trong cách thức mô tả (sơ đồ tư duy, tranh ảnh,…)**  **- GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:**  **+ Nông nghiệp: biết trồng lúa nước và các loại rau, củ; biết chăn nuôi, đánh bắt cá.**  **+ Thủ công nghiệp: làm gốm, làm mộc, dệt vải, đúc đồng, rèn sắt,...**  **+ Câu chuyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* phản ảnh sự nỗ lực trong chế ngự lũ lụt để phát triển sản xuất nông nghiệp của người Việt cổ.**  **- GV nêu yêu cầu: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn học về truyện *Bánh chưng, bánh giầy; Mai An Tiêm; Truyền trầu cau*.** | - 2 HS đọc to nội dung trước lớp (1 HS đọc phần *Đời sống kinh tế*, 1 HS đọc câu chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*), cả lớp đọc thầm SGK.    - Các nhóm làm nhiệm vụ.  **- Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ cùng bạn (nhóm đôi) và trước lớp. |
| **2. Đấu tranh bảo vệ đất nước**  **- GV giao nhiệm vụ HS:**  **+ Đọc thông tin và mô tả cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **+ Câu chuyện Thánh Gióng và Sự tích nỏ thần thể hiện điều gì?**  **- GV nhận xét, chốt kiến thức:**  **+ Người Việt đã tiến hành các cuộc kháng chiến chống giặc Ân để bảo vệ nước Văn Lang; kháng chiến chống quân Triệu để bảo vệ nước Âu Lạc.**  **+ Truyền thuyết *Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần* thể hiện tinh thần yêu nước, quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của người Việt từ xa xưa.** | - 3 HS đọc to nội dung trước lớp (1 HS đọc phần *Đấu tranh bảo vệ đất nước*, 1 HS đọc câu chuyện *Thánh Gióng,* 1 HS đọc câu chuyện *Sự tích nỏ thần*), cả lớp đọc thầm.  - HS làm nhiệm vụ theo nhóm 4.  **- Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe. |
| **3. Thực hành luyện tập:**  **a) Mục tiêu:**  - HS vận dụng **được kiến thức đã học về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc để trả lời các câu hỏi.**  **b) Cách tiến hành:** | |
| **- Trò chơi: *Giải ô chữ.***  **- GV phổ biến luật chơi.**    **- Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc.** | - HS chia thành 2 đội. Đội nào giải được ô chữ hàng dọc trước sẽ thắng cuộc. |
| **4.Hoạt động vận dụng**  **a) Mục tiêu:**  - HS vận dụng **được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.**  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng khi học tập.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **- GV nêu câu hỏi: V***ì sao thời Âu Lạc có thế mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và có nhiều vũ khí tốt nhưng lại để mất nước?*  **- GV giới thiệu về cấu trúc thành Cổ Loa.**  **- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành một trong hai nhiệm vụ:**  **+ Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang…**  **+ Đóng vai một thuyết minh viên trong bảo tàng lịch sử, hãy giới thiệu về nước Âu Lạc…**  **\**GDĐP:*** Em hãy nêu *biết những truyền thống tốt đẹp của người Hải Dương là gì?*  - Nhận xét tiết học | - HS nêu theo ý hiểu.    - HS quan sát, lắng nghe.  - HS thảo luận lựa chọn nhiệm vụ để về nhà chuẩn bị (nhóm 6).  - Truyền thống yêu nước, hiếu học,...  -HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ sáu ngày 25 tháng 10 năm 2024

Buổi chiều: Tiết 4: Toán

**HÉC - TA (TIẾP)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành cho HS biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc-ta (tên gọi, kí hiệu).

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. GV:** - TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:** - Bút dạ, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HD CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**  **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp:  a, DT sân vận động Mỹ Đình là:  105 x 68 = 7140 (m2)  Vì 7140m2 < 10 000m2 nên DT SVĐ Mỹ Đình nhỏ hơn 1ha.  b, Đổi 10 000m2 = 1ha  Ta có: 10 000 : 25 = 400  Nên nhiều nhất có 400 xe ô tô con cùng đỗ trong bãi đỗ xe.  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi:  22 200ha = 222 000 000 m2.  DT rừng Cúc Phương khoảng 222 000 000 m2.  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, DT quảng trường Ba Đình là:  100 x 320 = 32 000 (m2)  Bạn Hương nói đúng.  b, Cứ 1m2 có 4 người đứng thì quảng trường chứa được: 32 000 x 4 = 128 000 (người)  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:**  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm DT của một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân vận động, … và chia sẻ cho bạn cùng biết.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Tự chọn – Toán

**ÔN TẬP HÉC-TA**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta, đổi được số đo diện tích 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập, yêu thích, say mê học Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm. Lắng nghe, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Máy chiếu, máy tính.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - Cho học sinh tổ chức chơi trò chơi  "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung sau:  7ha = … m2 ha = …m2  16ha = …m2 ha = …m2  - GV nhận xét.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS chia thành 2 đội, mỗi đội 8 bạn thi tiếp sức, đội nào đúng và nhanh hơn thì chiến thắng.  7ha = 70 000m2 ha = 1 000m2  16ha = 160 000m2 ha = 2 500m2  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** | | |
| **Bài 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:  a) 8ha = … m2 675ha = … m2  ha = … m2  b) 80 000m2 = …ha 200 000m2 = …ha  360 000 m2 = …ha  - Tổ chức cho HS làm bài cá nhân.  - GV nhận xét, chốt cách đổi đúng.  => Củng cố mối quan hệ giữa m2 và ha. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp.  - HS chia sẻ bài làm trước lớp.  - HS giải thích cách làm.  - Lớp nhận xét.  a) 8ha = 80 000m2 675ha = 6 750 000m2  ha = 100m2  b) 80 000m2 = 8ha 200 000m2 = 20ha  360 000 m2 = 36ha | |
| **Bài 2:** Tính bằng cách thuận tiện nhất  a) 24ha x 8 + 24ha x 2  b) 16m2 x 23 + 16m2 x 6 + 16m2  - GV tổ chức cho HS làm bài.  - Cho HS chia sẻ cách làm.  - GV nhận xét, chốt cách làm đúng.  => Củng cố cách thực hiện các phép tính có kèm theo đơn vị đo diện tích. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài theo nhóm đôi.  - Đại diện một số nhóm chia sẻ cách làm.  a) 24ha x 8 + 24ha x 2  = 24ha x (8 + 2)  = 24ha x 10 = 240ha  b) 16m2 x 23 + 16m2 x 6 + 16m2  = 16m2 x 23 + 16m2 x 6 + 16m2 x 1  = 16m2 x (23 + 16 + 1)  = 24m2 x 40 = 960m2 | |
| **Bài 3:** Một khu đấthình chữ nhật có chiều dài 200m, chiều rộng bằng chiều dài. Hỏi diện tích khu đất đó bằng bao nhiêu mét vuông, bằng bao nhiêu héc-ta?  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  => Củng cố dạng toán Tìm phân số của một số; Diện tích hình chữ nhật. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi:  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  Bài giải  Chiều rộng của khu đất hình chữ nhật là:  200 x  = 50 (m)  Diện tích của khu đất hình chữ nhật là:  200 x 50 = 10 000 (m2)  Đổi: 10 000m2 = 1ha  Đáp số: 10 000m2; 1ha  - HS lắng nghe. | |
| **Bài 4:** Một khu ruộng có chu vi là 360m. Chiều rộng bằng chiều dài.  a) Diện tích thửa ruộng là bao nhiêu héc-ta?  b) Người ta cấy lúa trung bình cứ 100m2 thì thu hoạch được 75kg thóc. Hỏi trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?  - GV gọi HS đọc nội dung bài toán.  - Tổ chức cho HS suy nghĩ, chia sẻ cách làm trong nhóm đôi.  - Cho HS chia sẻ cách làm trước lớp.  - Cho HS làm vở.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  => Củng cố dạng toán tổng – tỉ, Diện tích hình chữ nhật. | - HS đọc, xác định dạng toán.  - HS suy nghĩ rồi chia sẻ cách làm theo cặp.  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - 1 HS lên bảng làm, lớp làm vở.  Bài giải  a) Nửa chu vi của khu ruộng đó là:  360 : 2 = 180 (m)  Chiều rộng khu ruộng đó là:  180 : (2 + 7) x 2 = 40 (m)  Chiều dài khu ruộng đó là:  180 – 40 = 140 (m)  Diện tích thửa ruộng đó là:  140 x 40 = 5 600 (m2 )  Đổi: 5 600m2 = 0,56ha  b) Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được số tạ thóc là:  75 x (5 600 : 100) = 4 200 (kg)  Đổi: 4 200kg = 42tạ  Đáp số: a) 0,56ha; b) 42tạ  - HS chữa bài trên bảng, nhận xét. | |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** | | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - Gv giới thiệu thêm để HS biết  + Miền Bắc : 1ha = 2,7 mẫu ( 1 mẫu = 10 sào, 1 sào Bắc Bộ = 360 m2)  + Miền Trung : 1ha = 2,01 mẫu ( 1 mẫu = 4970 m2, 1 sào Trung bộ = 497m2)  + Miền Nam: 1 ha = 10 công đất ( 1 công đất = 1000m2)  - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm DT của một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân vận động, … và chia sẻ cho bạn cùng biết. | | - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe, mở rộng hiểu biết.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Hoạt động trải nghiệm 3

**NHẬT KÍ KIỂM SOÁT CẢM XÚC CỦA EM**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù**

**-** HS chia sẻ được nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân.

**-** HS học hỏi được những kinh nghiệm kiểm soát cảm xúc của các bạn.

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức hoạt động.

**3. Phẩm chất**

**- Trung thực, kỉ luật, trách nhiệm.**

**II. Đồ dùng dạy học**

**1. Giáo viên: Một số tình huống, chương trình, các bài hát.**

**2. Học sinh: Nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân**

**III. Các hoạt động dạy –học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động**  **a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới. | |
| **b) Cách tiến hành**  - Tổ chức cho HS vận động theo bài hát: *Em đi chơi thuyền*  *-* GV hỏi: cảm xúc của bạn nhỏ trong bài hát thế nào?  + Vậy cảm xúc của các em trong những ngày gần đây có được kiểm soát tốt không? Chúng ta hãy cùng chia sẻ với cả lớp qua tiết học ngày hôm nay nhé! | - HS thực hiện.  - Bạn nhỏ rất vui  - Liên hệ và bắt đầu vào tiết học chia sẻ với bạn cảm xúc của mình. |
| **2. Hoạt động thực hành – luyện tập**  **a) Mục tiêu:**  **-** HS chia sẻ được nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân.  **-** HS học hỏi được những kinh nghiệm kiểm soát cảm xúc của các bạn. | |
| **b) Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Chia sẻ nhật kí kiểm soát cảm xúc của em***  - GV hướng dẫn HS chia sẻ theo nhóm về nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân theo các gợi ý:  + Tình huống xảy ra.  + Cách ứng xử của em.  + Tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân trong các tình huống đó: tốt, trung bình hay chưa tốt.    ***Nhiệm vụ 2. Học hỏi kinh nghiệm và chia sẻ điều cần rèn luyện.***  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp theo gợi ý:  + Điều em học hỏi được về kinh nghiệm kiểm soát cảm xúc của các bạn.  + Điều em thấy mình cần rèn luyện để có khả năng kiểm soát cảm xúc tốt hơn  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí.  **3. Hoạt động vận dụng:**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn tập kiến thức đã học.  + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 2 – Tuần 8.*** | - **HS thực hành chia sẻ cảm xúc với mọi người nhiều hơn.**  **- HS tự đánh giá và rút ra bài học cho bản thân để cuộc sống luôn vui vẻ, lạc quan.**  **- HS chia sẻ trước lớp**  **- HS lắng nghe** |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lãnh đạo duyệt Người soạn bài**

*( Nhận xét và ký duyệt )*

*Nguyễn Thị Thu Hà*